CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG --------***--------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---------***--------
Số: 117 /CV-EL *V/v: Báo cáo thường niên năm 2021*	*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2022*

Kính gửi: **- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông ("Công ty ELCOM")

   Mã chứng khoán: ELC

   Trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

   Điện thoại: 024.38359359 Fax: 024.38355884

   Email: hn.info@elcom.com.vn
2. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2021
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 6/4/2022 tại đường dẫn www.elcom.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

NGUYỄN ĐỨC THIỆN

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VPHĐQT.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Tòa nhà ELCOM - Duy Tân - Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

(024) 3835 9359

(024) 3835 5884

www.elcom.com.vn

MỤC LỤC

I

THÔNG TIN CHUNG

01 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

05 Tổng quan về ELCOM

07 Lịch sử hình thành và phát triển

09 Lĩnh vực hoạt động chính/ Ngành nghề kinh doanh

18 Văn hóa doanh nghiệp

19 Khách hàng, đối tác

21 Cơ cấu quản trị và mô hình quản lý

22 Công ty con – Công ty liên kết

24 Các rủi ro

II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

27 Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2021

28 Giới thiệu ban lãnh đạo

29 Thông tin về vốn, cổ phần, cổ đông

30 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

31 Chính sách liên quan đến người lao động

III

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2022 - 2025

35 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về hoạt động kinh doanh

38 Tình hình tài chính

39 Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

40 Định hướng chiến lược

IV

QUẢN TRỊ CÔNG TY

42 Báo cáo hoạt động của HĐQT

46 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

50 Giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát

V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

51 Báo cáo tài chính

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2021, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động do chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài vùng chịu ảnh hưởng. Đứng trước thách thức chưa từng có tiền lệ trong lịch sử, Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ cán bộ nhân viên ELCOM đã nâng cao tinh thần đoàn kết, thích ứng với hoàn cảnh, bảo đảm sức khỏe cho người lao động, quyết tâm duy trì hoạt động kinh doanh không gián đoạn.

Tiếp nối từ tiền đề thị trường, khách hàng và uy tín, vị thế đã có, năm 2021, các giải pháp sản phẩm chiến lược cho thị trường Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông thông minh đã tiếp tục được triển khai, mở rộng tới các khách hàng trọng điểm. ELCOM liên tục nghiên cứu và đưa ra các sản phẩm nền tảng về IoT, Big Data, nền tảng cho doanh nghiệp, giáo dục, y tế, và đặc biệt là giao thông thông minh.

ELCOM đã tạo được dấu ấn tại thị trường giao thông thông minh trong năm qua với hàng loạt dự án cung cấp giải pháp sản phẩm về thu phí (ETC, MTC, Giám sát xử phạt giao thông...) ở hàng loạt các trạm, trên khắp các quốc lộ trải dài từ Bắc tới Nam. Cùng với đó chúng tôi liên tục đổi mới, nghiên cứu phát triển và mở rộng các dòng sản phẩm, nhằm dựa trên nền tảng công nghệ để định hướng dẫn dắt nhu cầu của xã hội trong tương lai.

Năm 2021, ELCOM hoàn thành vượt gần 30% lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch, đồng thời tăng trưởng hơn 60% so với năm 2020. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho sự hiệu quả của lộ trình chiến lược giai đoạn 2019-2021, tiếp bước khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới.

Trên cơ sở nền tảng đạt được trong năm 2021, ELCOM đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận các năm tiếp theo từ 30-40% so với cùng kỳ. Áp dụng chiến lược đổi mới quy mô nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng và nguồn doanh thu, cùng với đó là nâng cao năng lực cạnh tranh bằng các sản phẩm công nghệ cao "Made by ELCOM", để vươn mình khẳng định thương hiệu Việt với cộng đồng quốc tế.

Trong năm 2022, ELCOM sẽ đánh dấu bước chuyển mình bằng việc tái định vị thương hiệu và ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới. Đây được coi là cột mốc ghi dấu sự thay đổi mạnh mẽ của Công ty để vươn tới tầm nhìn, sứ mệnh và những giá trị mới trong thời đại kỷ nguyên số.

Nhìn về chặng đường phía trước, với nguồn nhân lực trẻ giàu năng lực và tinh thần thiện chiến, khát khao cống hiến, với định hướng chiến lược nhạy bén cùng sự sát cánh của đối tác, tôi tin rằng ELCOM đã có một nền tảng vững chắc để tiếp bước đà thành công trong năm 2022, đặt bước tiên phong trên chặng đường phát triển mới.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân đến Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên vì những nỗ lực, cống hiến trong năm 2021 và cảm ơn Quý khách hàng, đối tác, cổ đông đã tin tưởng, ủng hộ và đồng hành cùng ELCOM trong suốt thời gian qua. Kính chúc Quý cổ đông dồi dào sức khỏe và thành công.

Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phan Chiến Thắng

I - THÔNG TIN CHUNG

Tổng quan về Elcom

TẦM NHÌN

ELCOM định hướng trở thành Tập đoàn Công nghệ Thông tin – Viễn thông tiên phong các giải pháp sản phẩm "công nghệ thông minh có tính ứng dụng thực tế cao" cho các doanh nghiệp quy mô tập đoàn, doanh nghiệp SME & các ngành kinh tế trọng điểm (Giao thông vận tải, Viễn thông, Công nghệ thông tin, Y tế, Giáo dục).

SỨ MỆNH

ELCOM có sứ mệnh tạo ra những giải pháp hữu ích, tối ưu cho cuộc sống con người và cho cộng đồng, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thứ hạng cao trên bản đồ công nghệ của thế giới.

elcom

TÊN GIAO DỊCH
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

TÊN VIẾT TẮT
ELCOM CORP

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ
0101435127

VỐN ĐIỀU LỆ
509.282.430.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU
853.292.554.802 đồng

ĐỊA CHỈ
Toà nhà ELCOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI
024 3835 9359

SỐ FAX
024 38355884

WEBSITE
https://www.elcom.com.vn

MÃ CỔ PHIẾU
ELC

Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với thế mạnh là các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chìa khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải. Công ty đồng thời còn là đơn vị phân phối và là cầu nối cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường trong nước.

Được thành lập từ năm 1995, trải qua hơn 1/4 thế kỷ hình thành và phát triển, ELCOM đã từng bước vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về các giải pháp công nghệ thông tin và cung cấp sản phẩm, dịch vụ viễn thông.

ELCOM đã và đang là đối tác lâu đời, uy tín của các tập đoàn công nghệ thông tin - viễn thông lớn nhất trong và ngoài nước.

Sở hữu đội ngũ nhân sự giàu năng lực và tinh thần thiện chiến, ELCOM tiên phong cung cấp các giải pháp công nghệ có độ khó cao, ứng dụng hiệu quả cho các ngành kinh tế trọng điểm, bao gồm: Viễn thông, Công nghệ thông tin, An ninh Quốc phòng, Giao thông vận tải, Giáo dục và Y tế... ELCOM cũng liên tục đổi mới, nghiên cứu và mở rộng các dòng sản phẩm, nhằm định hướng, dẫn dắt nhu cầu của xã hội trong tương lai, và để kiến tạo một cuộc sống tốt đẹp hơn dựa trên nền tảng công nghệ.

1995

Thành lập Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông tại Hà Nội với trụ sở chính đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội

1998

Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)

Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho ELCOM tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam

2000

2004

Thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu mới (ELCOM Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite

2006

ELCOM chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELCOM JSC.)

2007

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI (Cục Veritas chất lượng quốc tế) chứng nhận và được tổ chức ANAB (Hoa kỳ) công nhận.

Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) trở thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM

2008

2010

Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

2011

Bước chân vào thị trường giao thông với hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS

2012

Làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và vệ tinh Inmarsat phục vụ an ninh quốc phòng

Khánh thành tòa nhà ELCOM tại phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Năm 2014, lọt vào top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam

2015

Thành công với nhiều sản phẩm công nghệ phục vụ giao thông công cộng (như hệ thống đèn tín hiệu, hướng dẫn đỗ xe tự động, quản lý phương tiện vận tải,...) được sử dụng rộng rãi tại nhiều thành phố; nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nằm trong Top 40 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam.

2016

Nằm trong Top 50 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT

Chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ

Thuộc top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

Hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường trục truyền dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến lược MobiFone

2017

Phát triển mảng sản phẩm và giải pháp dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao EGREEN

Nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2017

Nằm trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)

2018

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2018 hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT

2019

Đẩy mạnh nghiên cứu các công nghệ AI, Big Data, Cloud,...

2021

Nhận giải thưởng top 10 doanh nghiệp Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho thành phố thông minh và top 10 doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin do Hiệp hội Phần mềm và Công nghệ thông tin Việt Nam Vinasa trao tặng

Lĩnh vực hoạt động/ ngành nghề kinh doanh

ELCOM nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất: IoT, AI, Big Data, Cloud và phát triển sản phẩm của riêng mình trong lĩnh vực Công nghệ thông tin dựa trên đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn. ELCOM đảm bảo luôn có giải pháp, công nghệ đi trước để hình thành sản phẩm đón đầu kịp thời theo xu hướng vận động của nhu cầu thị trường khách hàng. Các giải pháp tích hợp được kết hợp mềm dẻo và hiệu quả giữa sản phẩm của đối tác và giải pháp của ELCOM. Với thế mạnh nắm bắt kịp thời công nghệ mới và hiểu sâu về các hệ thống, công nghệ hiện đại cũng như nhu cầu khách hàng trong nước nên giải pháp triển khai tích hợp của ELCOM cung cấp đem lại lợi ích tối đa và được khách hàng đánh giá rất cao. Các sản phẩm, giải pháp công nghệ của ELCOM được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực

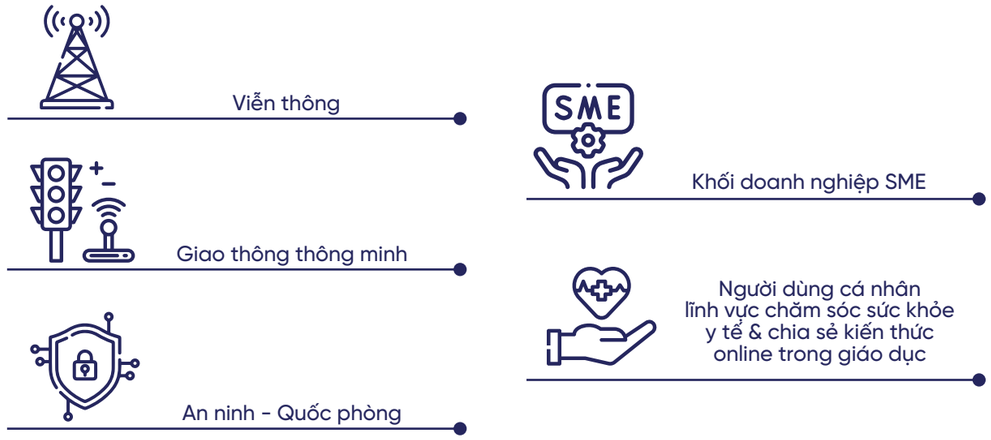

Giải pháp viễn thông

ELCOM là doanh nghiệp công nghệ cung cấp giải pháp phần mềm và cung ứng thiết bị công nghệ – viễn thông uy tín lâu năm tại Việt Nam. Hầu hết các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn nhất tại Việt Nam như Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile... đều là khách hàng, đối tác của ELCOM. ELCOM cung cấp trọn gói các dịch vụ từ tư vấn tiền dự án, đến triển khai, đào tạo, bảo hành – bảo trì. Các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp viễn thông mà ELCOM cung cấp rất đa dạng, với 5 mảng chính

- BSS/OSS - Phần mềm Tính cước viễn thông và chăm sóc khách hàng
- Các giải pháp truyền dẫn: truyền dẫn vô tuyến (viba) và truyền dẫn lõi (DWDM, metro)
- Mạng lõi viễn thông và CNTT. Các giải pháp kết nối giữa mạng lõi viễn thông và ứng dụng SMPP Platfform, VASplatform
- Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)/ Nội dung số: Ringback Tone, Missed calls Alert. Voice mail, Voice chat, Express Call, Signature Call, Wellcom SMS, Busy SMS, Vsign,....
- Hạ tầng viễn thông và CNTT; Hệ thống đồng bộ.

Một số giải pháp viễn thông do ELCOM thực hiện

TT	DỰ ÁN	GIẢI PHÁP	KHÁCH HÀNG
01	Trang bị thiết bị mạng truyền dẫn Backbone Bắc Nam	Thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị DWDM	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone
02	Mở rộng hệ thống truyền dẫn liên tỉnh khu vực Miền Nam	Thiết kế, cung cấp và đo kiểm hệ thống truyền dẫn	Tổng công ty hạ tầng mạng VNPTNet
03	Mua sắm thiết bị truyền dẫn DWDM cho trục và liên huyện của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội		Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL GROUP)
04	Hệ thống cuộc gọi nhỡ, nhạc chuông nhạc chờ cho các thị trường Nước ngoài của Viettel	Cung cấp giải pháp hệ thống cuộc gọi nhỡ MCA, CRBT	Tổng công ty Đầu tư Quốc tế Viettel
05	Nâng cấp và phát triển hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Cung cấp lắp đặt hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Viễn thông Quảng Ninh
06	Trang bị thiết bị tăng cường phủ sóng cho khu vực Duyên hải, biển đảo mạng MobiFone	Trang bị thiết bị khuếch đại công suất	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone
07	Đầu tư mở rộng mạng truyền dẫn DWDM/Viba/Đồng bộ	Mua sắm mở rộng dung lượng thiết bị truyền dẫn	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông
08	Trang bị bổ sung hệ thống nguồn cho các trạm BTS	Cung cấp lắp đặt hệ thống nguồn cho các trạm BTS	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông
09		Trang bị thiết bị Metro cho các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
10		Trang bị thiết bị viba cho Trung tâm mạng lưới Miền Bắc	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
11		Thiết kế kỹ thuật, cung cấp & lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang DWDM Hà Nội – Móng Cái	EVN - Telecom
12	Trang bị hệ thống Revenue Assurance để tăng cường kiểm soát, chống gian lận, thất thoát, lãng phí tài nguyên cho Trung tâm tính cước		Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone
13	Hỗ trợ công nghệ thông tin cho Ban thư ký Thượng viện Campuchia và Văn phòng Quốc hội Lào	Cung cấp, lắp đặt hạ tầng thiết bị và lắp đặt đường truyền	Tổng công ty đầu tư quốc tế VIETTEL
14	Trang bị hệ thống tin nhắn quảng bá phục vụ sản xuất kinh doanh	Cung cấp lắp đặt hệ thống tin nhắn quảng bá	Tổng công ty đầu tư quốc tế VIETTEL
15	Mua sắm trang bị hệ thống Công nghệ thông tin	Cung cấp lắp đặt hệ thống tin nhắn quảng bá	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Giải pháp Giao thông thông minh

Hệ thống Giao thông thông minh (Intelligent Transport System - ITS) của ELCOM ứng dụng các công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin và tự động hóa tiên tiến nhất hiện nay (IoT, AI, Cloud, RFID, V2X ...) kết hợp với các thiết bị cảm biến, điều khiển điện tử và kỹ thuật giao thông để quản lý, điều hành các hệ thống giao thông vận tải đường bộ và đường biển.

Các phần mềm được phát triển, đóng gói và cho phép người dùng lựa chọn các tính năng một cách linh động phù hợp với nhu cầu thực tế quản lý. Mô hình triển khai đa dạng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo hiện trạng khảo sát tại từng địa phương. Hiện nay, giải pháp giao thông thông minh của ELCOM đã được áp dụng tại các hệ thống giám sát thông tin an toàn giao thông như:

- Hệ thống Trung tâm Giám sát điều hành giao thông thông minh nội đô
- Hệ thống Trung tâm Giám sát điều hành giao thông thông minh đường cao tốc
- Hệ thống Thu phí đường bộ tự động không dừng (ETC)
- Hệ thống Kiểm soát tải trọng tự động không dừng (WIM)
- Hệ thống Quản lý đỗ xe thông minh
- Hệ thống Giám sát và điều hành tàu thuyền cho đường thuỷ nội địa và đường biển (VTS)
- Hệ thống Quản lý và điều hành xe buýt

Một số hình ảnh sản phẩm giải pháp Giao thông thông minh của Công ty

Mô phỏng trung tâm điều hành, giám sát giao thông thông minh do ELCOM thiết lập

Giải pháp xử phạt giao thông ITMON

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Một số giải pháp Giao thông thông minh do ELCOM cung cấp

TT	DỰ ÁN	GIẢI PHÁP	KHÁCH HÀNG
01	Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh	Mua sắm lắp đặt thiết bị trung tâm dữ liệu thành phố thông minh, đào tạo và chuyển giao công nghệ - giai đoạn 2	Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh
02	Xây dựng Trung tâm chỉ huy, hệ thống giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Cải tạo Trung tâm chỉ huy, xây lắp hạ tầng ngoại vi và cung cấp lắp đặt các thiết bị phần cứng, phần mềm và thuê đường truyền	Công an tỉnh Thanh Hóa
03	Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Thi công xây dựng và mua sắm lắp đặt thiết bị, phần mềm hạng mục hệ thống Camera giám sát đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái
04	Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Cung cấp, lắp đặt thiết bị HT cân tải trọng xe tự động tại nút giao IC17, IC4, Trạm thu phí Km6 trên tuyến Nội Bài - Lào Cai	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
05	Hệ thống kiểm soát tải trọng xe trên ĐT741	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, thuộc công trình Hệ thống kiểm soát tải trọng xe trên ĐT741	Viễn thông Quảng Ninh
06	Dự án thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây nguyên	Mua sắm thiết bị nhập khẩu Front-end để triển khai một số trạm thu phí	Công ty TNHH Thu phí tự động VECT
07	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Cung cấp và thi công lắp đặt thiết bị trạm thu phí tự động không dừng	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
08		Hệ thống phần mềm và dịch vụ cài đặt, tích hợp, triển khai Hệ thống phần mềm Giám sát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Quảng Ninh	UBND Tỉnh Quảng Ninh
09	Đầu tư xây dựng Đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	Hoàn thiện thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống Giao thông thông minh – Trạm cân Đình Vũ	Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam
10	Lắp đặt hangar tạm tại cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Lắp đặt hệ thống camera quan sát tại cảng hàng không Buôn Ma Thuột.	Công ty cổ phần Hàng không Vietjet
11	Dự án sửa chữa, khắc phục hư hỏng hệ thống Quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Sài Gòn – Vũng Tàu, hệ thống VTS luồng Cái Mép – Thị Vải	Thiết kế BVTC và thi công xây dựng các trạm Radar, thiết kế BVTC và cung cấp lắp đặt thiết bị, xây dựng phần mềm hệ thống VTS Luồng Cái Mép – Thị Vải và đào tạo, chuyển giao công nghệ	Cục Hàng hải Việt Nam BQLDA Hệ thống quản lý Hành Hải tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu
12	Dự án thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc - Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên theo hình thức Hợp đồng BOO	Thiết kế BVTC, cung cấp giải pháp, thiết bị và triển khai lắp đặt hệ thống thu phí tự động không dừng ETC các làn còn lại của 3 trạm thu phí.	Công ty TNHH thu phí tự động VETC
13	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ Km62+700 đến Km95+000	Hệ thống thu phí không dừng hai trạm thu phí Chơn Thành và trạm thu phí Tân Khai thuộc Quốc lộ 13, tỉnh Bình Phước	Công ty CP Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Bình Phước
14	Đầu tư hạng mục thu phí không dừng ETC cho Trạm thu phí ĐT741 tỉnh Bình Dương	Thiết kế-Cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng hệ thống	Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG
15	Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, Quốc lộ 1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế theo hình thức BOT	Xây lắp nhà điều hành, trạm thu phí và các công trình phụ trợ	Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Giải pháp An ninh - Quốc phòng

ELCOM được Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng (Bộ Quốc phòng) cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia vào hoạt động công nghiệp quốc phòng tại Việt Nam từ năm 2015.

Với năng lực công nghệ và khả năng nắm bắt tốt nhu cầu của khách hàng, hiểu rõ các đặc thù ngành an ninh – quốc phòng, các giải pháp của ELCOM luôn đáp ứng được các yêu cầu về tính năng, độ ổn định và tính bảo mật, nhận được sự tín nhiệm cao của khách hàng và đối tác trong lĩnh vực đặc biệt này.

ELCOM đã và đang cung cấp nhiều giải pháp thông tin liên lạc, truyền dẫn, giám sát, chặn thu, trung tâm chỉ huy, trung tâm điều khiển, các giải pháp an toàn thông tin, giám sát mạng và một số sản phẩm chuyên dụng... cho nhiều đơn vị thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng Việt Nam

- Giám sát, theo dõi, chặn thu (vệ tinh/vô tuyến)
- Sản phẩm chuyên dụng cho an ninh quốc phòng: eVision Military, Eyesea, UAV, USV
- An toàn thông tin và giám sát mạng: Giám sát thoại, giám sát vô tuyến băng rộng
- Giải pháp thông tin liên lạc, truyền dẫn: Tổng đài, thông tin liên lạc môi trường quốc phòng, trạm thông tin cơ động; truyền dẫn hữu tuyến/vô tuyến.

Một số sản phẩm cho giải pháp An ninh quốc phòng của Công ty

Hệ thống giám sát VSAT cho hoạt động công nghiệp quốc phòng

EyeSea - Hệ thống giám sát tàu thuyền

Một số giải pháp An ninh - Quốc phòng do ELCOM cung cấp

TT	DỰ ÁN	GIẢI PHÁP	KHÁCH HÀNG
01	Cung cấp Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển AIS (Thiết bị phần cứng, phần mềm và các dịch vụ lắp đặt, huấn luyện, đào tạo)	Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển AIS	Bộ Quốc phòng
02	Xây dựng hệ thống giám sát an ninh tập trung và cảnh báo sớm hạ tầng thông tin	Mua sắm thiết bị, phần mềm và triển khai, lắp đặt	Bộ Quốc phòng
03	Đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm trọng điểm về an toàn, an ninh thông tin thuộc Bộ Quốc phòng	Cung cấp thiết bị hạ tầng phòng thí nghiệm	Bộ Quốc phòng
04	Đầu tư Khu dịch vụ hàng hải; sửa chữa, đóng mới tàu biển và công trình dầu khí biển	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác bảo vệ, an ninh, cảnh giới	Bộ Quốc phòng
05	Đào tạo, bồi dưỡng lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin	Mua sắm các công cụ hỗ trợ đào tạo quản trị an toàn mạng	Học viện kỹ thuật quân sự
06		Đầu tư nâng cấp, thay thế Hệ thống mạng WAN của Tổng Công Ty Hàng không Việt Nam	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
07		Mua trang thiết bị vật tư nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao	Bộ Công An
08	Mạng cáp quang ngành công an	Nâng cấp mở rộng thiết bị truyền dẫn – Lộ trình phía Tây	Bộ Công An
09		Hệ thống định vị tàu thuyền trên biển LRIT qua trạm Inmarsat	Bộ Công An
10		Giải pháp giám sát và giải mã dữ liệu thông tin vệ tinh VSAT	Bộ Quốc phòng
11	Thay thế, trang bị, nâng cấp và gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền tính năng thiết bị mạng, bảo mật cho các đơn vị trong ngành Bảo hiểm xã hội	Cung cấp, lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh, đào tạo chuyển giao công nghệ thiết bị cân bằng tải	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội
12	Nâng cao năng lực mạng WAN phục vụ sản xuất kinh doanh của TCT Điện lực Việt Nam	Cung cấp & lắp đặt thiết bị	Công ty Công nghệ thông tin Điện lực Miền Bắc
13	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ Km62+700 đến Km95+000	Mua sắm thiết bị, phần mềm cho Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng	Bộ Quốc phòng
14		Mua sắm thiết bị truyền số liệu	Bộ Quốc phòng

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Một số giải pháp khác

Bên cạnh những giải pháp ứng dụng công nghệ thông minh nêu trên, ELCOM đã và đang nghiên cứu thêm các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực y tế, giáo dục... đồng thời mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Y tế

ELCOM đang nghiên cứu và phát triển nền tảng kết nối thiết bị theo dõi và chăm sóc sức khỏe từ xa Televital. Kết hợp hai công nghệ: công nghệ IoT trong y tế IoMT và công nghệ hỗ trợ điều trị y tế từ xa TeleMed, nền tảng TeleVital cho phép người bệnh tự theo dõi sức khỏe ngay tại nhà một cách chủ động và liên tục. Nền tảng có khả năng tích hợp với nhiều thiết bị đo thông dụng hiện nay, hỗ trợ đo nhiều chỉ số: nhiệt độ, huyết áp, tiểu đường, SpO2, ECG... giúp bác sĩ xác định tình trạng sức khỏe hay bệnh mãn tính của bệnh nhân. Ngoài ra, bệnh nhân có thể kết nối từ xa với bác sĩ để điều trị y tế qua cuộc gọi video nhờ TeleVital. Các chức năng chính trong nền tảng TeleVital

- Thu thập liên tục và lưu trữ dữ liệu sức khỏe của bệnh nhân từ xa qua thiết bị đo sức khỏe
- Cho phép bác sĩ, bệnh nhân và người nhà theo dõi dữ liệu sức khỏe qua màn hình ứng dụng
- Ứng dụng AI/Big Data để hỗ trợ phân tích và đưa ra cảnh báo sớm
- Cung cấp công cụ gọi video trực tuyến hỗ trợ tư vấn sức khỏe từ xa

Nền tảng được hứa hẹn sẽ mở ra nhiều gói dịch vụ y tế trực tuyến, phục vụ bệnh nhân ở các vùng xa, hay những người bệnh sau điều trị có nhu cầu xuất viện sớm, trẻ em ốm, người già mắc bệnh mãn tính như tiểu đường, huyết áp... hay những người có nhu cầu theo dõi sức khỏe thường xuyên.

Giáo dục

CoLearn – một ứng dụng học tập trực tuyến do ELCOM phát triển đã vượt mốc 100 ngàn người dùng khi mới ra mắt chưa đầy 2 tháng với hàng ngàn câu hỏi được giải đáp mỗi ngày, giúp hành trình học tập của học sinh không bị gián đoạn, nâng cao hiệu quả trong mùa dịch. Người học có thể hỏi bài tập của tất cả các môn trong chương trình, tính năng này đặc biệt hữu ích khi học sinh muốn tìm kiếm lời giải hay cho các bài tập khó, nâng cao.

CoLearn cung cấp một đội ngũ giáo viên, gia sư luôn sẵn sàng hỗ trợ giải đáp các câu hỏi của học sinh trên cộng đồng mà không phát sinh bất kỳ một khoản chi phí nào, đây chính là điểm khác biệt so với các ứng dụng khác trên thị trường, mang đến sức hút cho CoLearn. Một điểm cộng nữa cho ứng dụng này, đó chính là kho thư viện được cung cấp miễn phí cho học sinh trong mùa dịch với: hàng nghìn bài giảng được biên soạn độc quyền và giảng dạy bởi các thầy cô có kinh nghiệm; kho học liệu với hàng vạn tài liệu chuyên đề, ebook, bộ đề... hệ thống bài trắc nghiệm tính điểm giúp học sinh dễ dàng tự học tại nhà.

Hàng nghìn câu hỏi được giải đáp mỗi ngày với hơn 100.000 người dùng đăng ký trong chưa đầy 2 tháng đầu phát hành đã khẳng định sức hút của CoLearn đối với học sinh trong hành trình chinh phục kiến thức. Và chắc chắn, với xu hướng giáo dục trực tuyến ngày càng phát triển mạnh mẽ như hiện nay, những ứng dụng học tập bổ ích, mang tính hữu dụng cao như CoLearn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

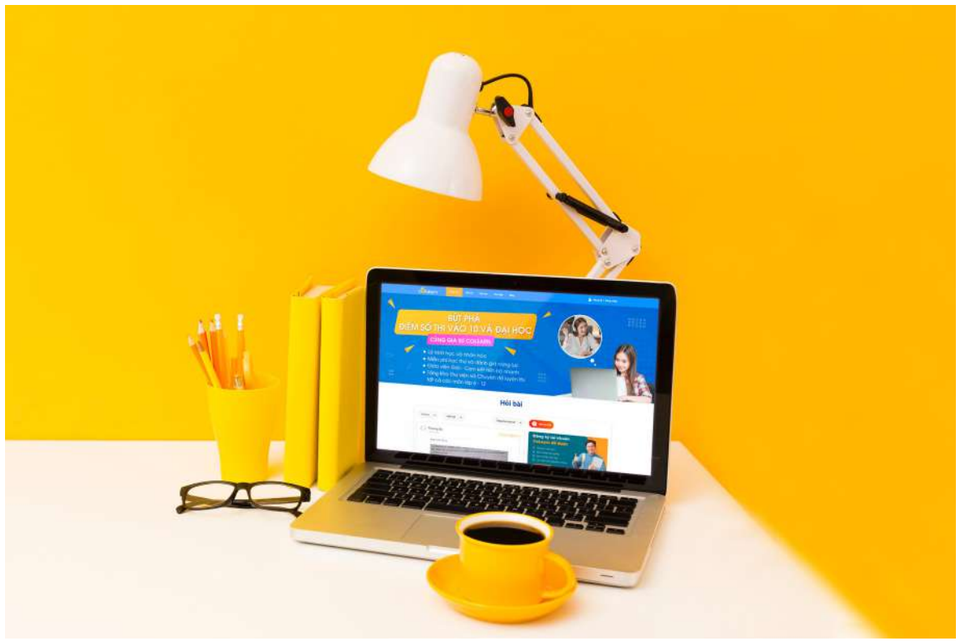

Bất động sản

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh cũng như quá trình đô thị hoá mạnh mẽ, Công ty đã và đang đầu tư vào một số dự án bất động sản bao gồm bất động sản thương mại, dịch vụ và bất động sản công nghiệp tại một số địa bàn trọng điểm để tạo ra một nguồn tài sản có tính khai thác bền vững.

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (khoảng)
CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ			
01	Toà nhà Hỗn hợp khu thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng cho thuê và căn hộ để ở	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.	2.262,4 m2
02	Khu dịch vụ thương mại kết hợp văn phòng	Đường 72, Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội	10.000 m2
CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP ĐANG NGHIÊN CỨU LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ			
01	Trung tâm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp văn phòng, trụ sở làm việc.	Đường Hoàng Tăng Bí, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	10.000 m2
02	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Làng nghề Giẽ Thượng, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Xã Phú Yên, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội	50 ha
03	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tam Hưng, Thanh Oai, TP Hà Nội	Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Hà Nội	35 ha

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Văn hóa doanh nghiệp

Lấy con người làm trung tâm và là yếu tố then chốt để phát triển, ELCOM đã xác định việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp là tất yếu ngay từ những ngày đầu thành lập.

Được phát triển từ chính giá trị của doanh nghiệp qua hơn ¼ thế kỷ không ngừng lớn mạnh, hình ảnh con người ELCOM trên chặng đường tiếp theo được thể hiện với 4 nhóm tính cách *"Chủ động - Sáng tạo - Kỷ luật - Tử tế"* để cùng hướng tới sứ mệnh chung là mang tới giá trị sống tốt đẹp hơn cho xã hội dựa trên nền tảng công nghệ.

Cùng với đó, ELCOM đã xây dựng được hệ thống các hoạt động văn hóa - văn nghệ bài bản, chuyên nghiệp... để gắn kết nhân sự, tạo môi trường làm việc thoải mái, cởi mở và năng động cho các thành viên. Từ đó thúc đẩy, khơi mở sức sáng tạo và tiềm năng thể hiện bản thân, khẳng định mình của mỗi cá nhân, góp phần phát triển nội lực của ELCOM mạnh mẽ, bền vững hơn mỗi ngày.

Đối tác

IBM, NOKIA, ORACLE, ciena, 3M, VIAVI, subex, BOSCH, ca technologies, HUAWEI, DELL, amdocs, seclab, Check Point, FireEye, HortiMax, TAKSA, pic PLAST, RIDDER, SUDIAC, Kingspan, cisco, YONGOR, HYPLAST, Galcon, OSCILLOQUARTZ, AXIS, 3i-MIND, ST Electronics, McAfee, csg, hp

Khách hàng

viettel, metfone, bitel, mobifone, mobile, Hilton, telemor, vinaphone, golan, halotel, LUMITEL, InterContinental, VNPT, EVN, HYATT, AGRIBANK, VPBank, tarıc, ACCOR HOTELS, VinEco, nafoods

Cơ cấu quản trị & Mô hình quản lý

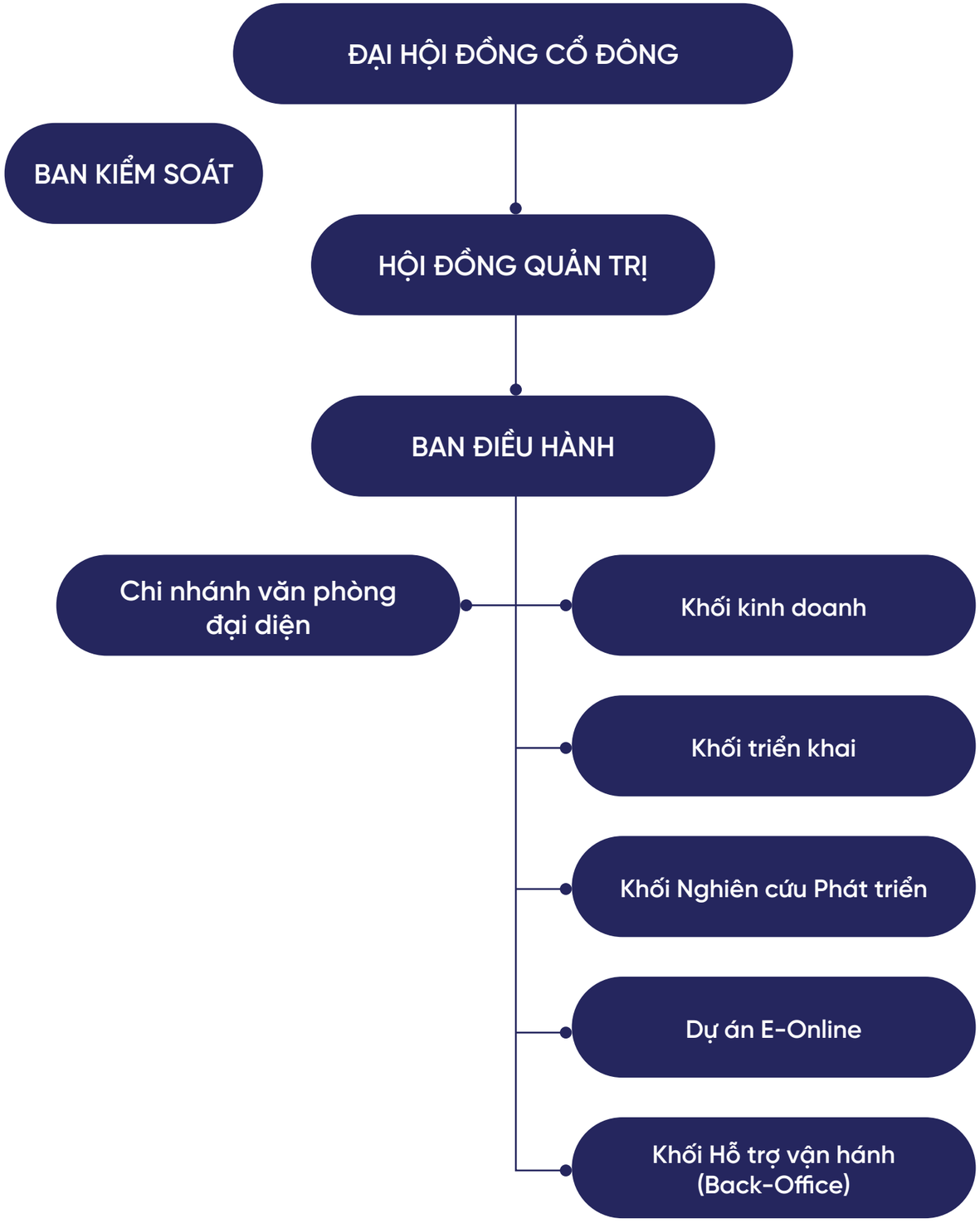

Công ty con - Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

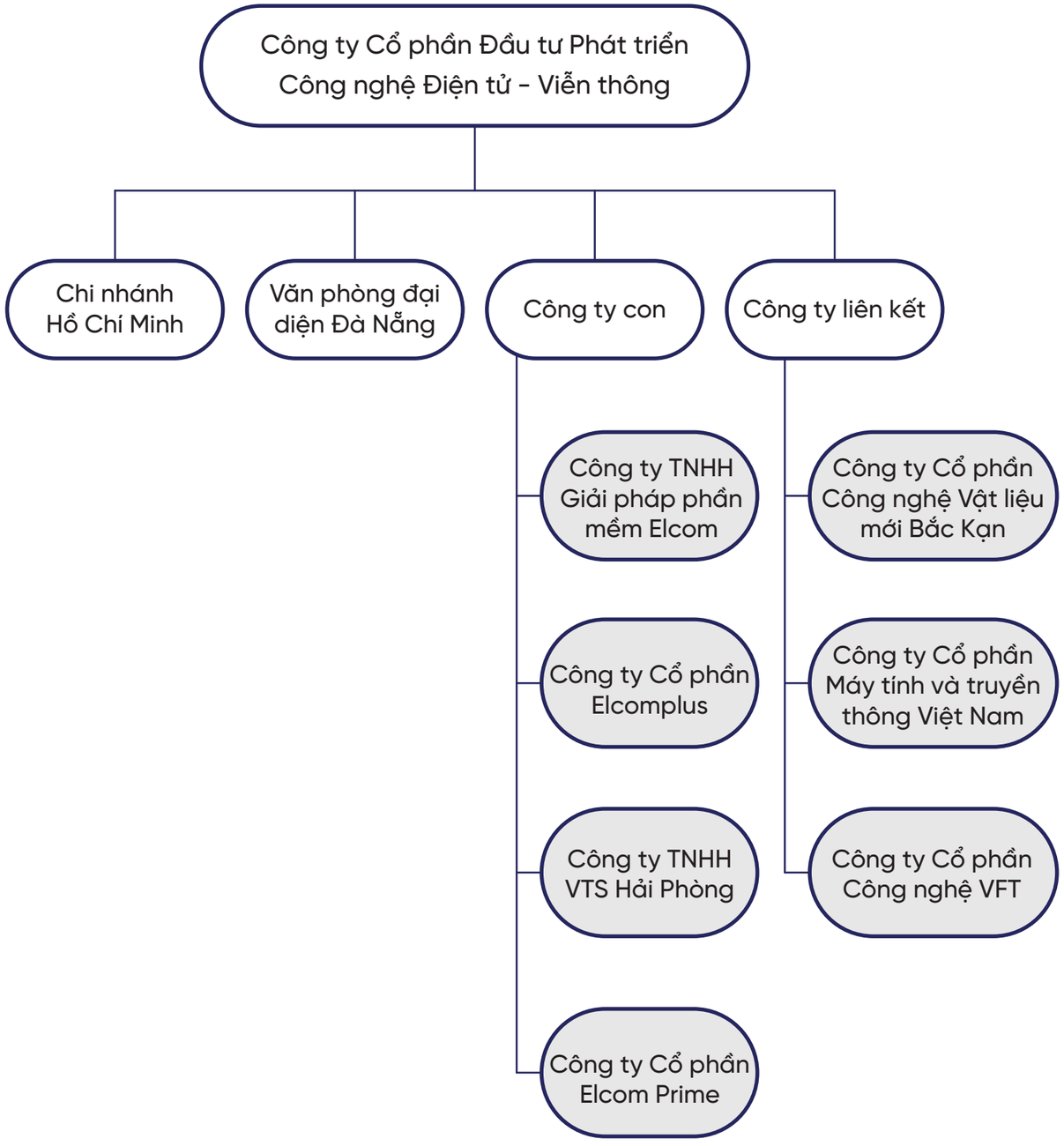

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

Địa chỉ Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (024) 3835 9359

Fax (024) 3835 5884

Website www.elcom.com.vn

Email hn.info@elcom.com.vn

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại (024) 3553 4980/81

Email hcm.info@elcom.com.vn

Văn phòng đại diện Đà Nẵng

Địa chỉ tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Điện thoại (051) 1362 6888

CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM

Địa chỉ Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (024) 3835 9359

Fax (024) 3835 5884

Công ty TNHH VTS Hải Phòng

Địa chỉ Tầng 11, Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại 0914 208 484

Công ty Cổ phần Elcomplus

Địa chỉ Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (024) 3835 9359

Fax (024) 3835 5884

Email info@elcom.com.vn

Công ty Cổ phần ElcomPrime

Địa chỉ Tầng 6, tòa nhà Hà Phan, số 5 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (84-28). 62756716

Fax (84-28). 62756717

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn

Địa chỉ Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại 0919 368 998

Fax 0281.3810869

Công ty Cổ Phần Máy tính và truyền thông Việt Nam

Địa chỉ Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội

Điện thoại (024) 3771 5126

Email vninfor@hn.vnn.vn

Công ty Cổ Phần Công nghệ VFT

Địa chỉ Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại +84 24 33 845 847

Fax +84 24 33 845 359

Các rủi ro

RỦI RO CẠNH TRANH

Sự phát triển nhanh chóng về khoa học kỹ thuật và công nghệ trên thế giới có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi Công ty đang hoạt động trong kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Sự canh tranh đến từ các sản phẩm, dịch vụ của cả các doanh nghiệp trong nước lẫn nước ngoài đang tràn ngập trên thị trường hiện nay. Do vậy, để tránh nguy cơ tụt hậu về công nghệ,

Công ty phải luôn đổi mới, sáng tạo, cập nhật các thông tin mới nhất về tiến bộ khoa học kỹ thuật ứng dụng phù hợp trong mọi hoạt động và nỗ lực không ngừng để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ cũng như khẳng định vị thế của mình.

Đồng thời, việc các công ty công nghệ, điện tử lớn trên thế giới thiết lập các Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp nội địa. Các doanh nghiệp trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các công ty nước ngoài trong điều kiện họ có tiềm lực lớn hơn, 'trường vốn' hơn để sẵn sàng trả lương cao hơn, tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho nguồn nhân lực chất lượng cao

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nền kinh tế tự do thương mại, điều kiện lao động năng động, ảnh hưởng liên tục của thời đại kỹ thuật số đang định hình lại công việc, khiến Công ty phải đối mặt với việc xác định nhu cầu tuyển dụng, hoàn thiện kỹ năng và duy trì nguồn nhân lực để đạt được mục tiêu đề ra. Trong đó ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo năng lực làm việc mới cho đội ngũ lao động để thay đổi phù hợp với thời đại kỷ nguyên số,

bảo đảm đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động, tạo môi trường làm việc tốt và có cơ hội, không gian phát triển. Tuy nhiên, Việt Nam đang rất khó khăn khi muốn tuyển dụng nhân sự, đặc biệt là nhân sự chất lượng cao. Theo thống kê của Bộ thông tin và Truyền thông, nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Công nghệ thông tin hiện nay tại nước ta là 250.000 lao động. Tuy nhiên, mỗi năm các trường đào tạo trên toàn quốc chỉ cung cấp được khoảng 32.000 sinh viên ngành Công nghệ thông tin. Điều này cho thấy ngành Công nghệ thông tin đang rất "khát" nhân lực. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực Công nghệ thông tin hiện nay lại không đảm bảo về chất lượng, không đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, điều đó dẫn đến hiện tượng thừa số lượng và thiếu chất lượng.

RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Công ty chuyên cung cấp các giải pháp lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin nên sẽ phải đối mặt với những rủi ro và thách thức đặc thù của ngành như sự thay đổi nhanh chóng về kỹ thuật – công nghệ,

sự ra đời và thay thế liên tục của các công nghệ mới, rò rỉ bí quyết công nghệ... Để kịp thời nắm bắt được xu hướng phát triển của công nghệ mới, Công ty luôn đẩy mạnh công tác tổ chức nghiên cứu phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và không ngừng cập nhật nắm bắt những công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới. Bên cạnh đó, việc thiết lập quy trình kiểm soát nội bộ nghiêm ngặt, quy trinh quản lý hiện đại cũng rất cần thiết nhằm phòng ngừa rủi ro về công nghệ.

II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2021

Doanh thu thuần

659,2 tỷ đồng

Hoàn thành

73,2% kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế ↑ **46%**

58,8 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế ↑ **57%**

50,3 tỷ đồng

Hoàn thành

129% kế hoạch

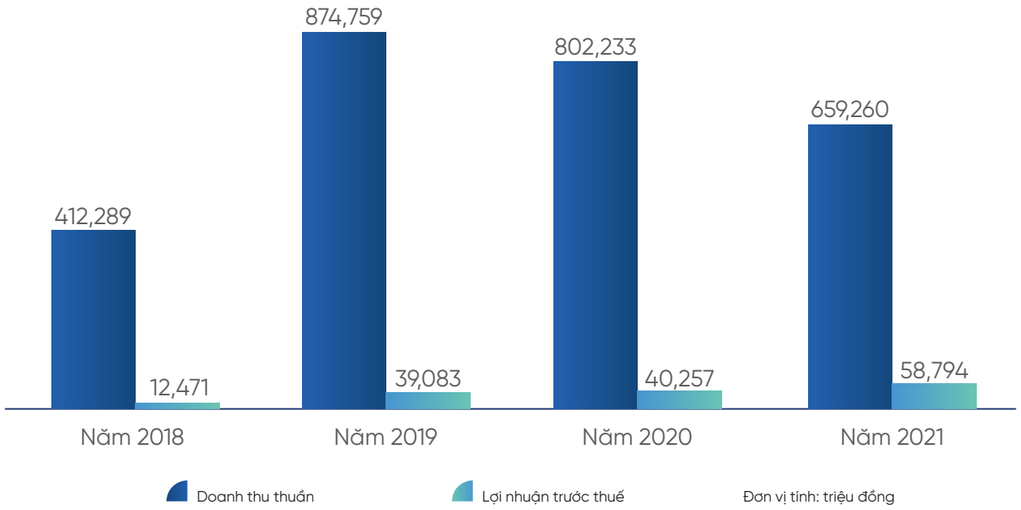

Giới thiệu ban lãnh đạo

THÀNH VIÊN HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về vốn, cổ phần, cổ đông

Thông tin về vốn, cổ phần tại thời điểm 31/12/2021

Vốn điều lệ
509.282.430.000 VNĐ

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành
50.928.243 cổ phiếu

Loại cổ phiếu
cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu
10.000 VNĐ/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021
50.818.648 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2021
109.595 cổ phiếu

Sử dụng làm quỹ thưởng cho người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021
200.000 cổ phiếu

Tỉ lệ sở hữu vốn nước ngoài tối đa Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
49%

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2021) theo tỷ lệ sở hữu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN/ KHÁC

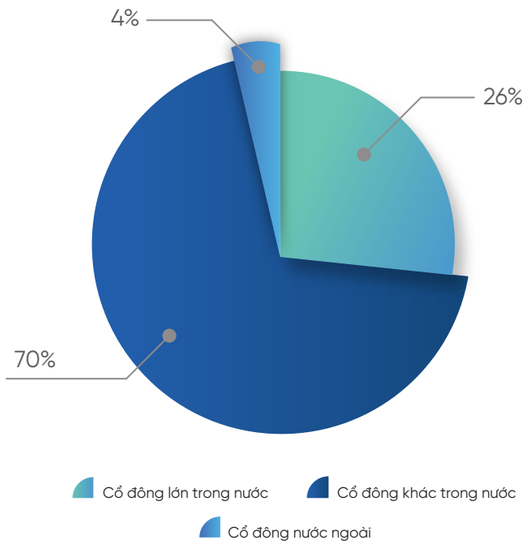

CƠ CẤU CỔ TRONG & NGOÀI NƯỚC

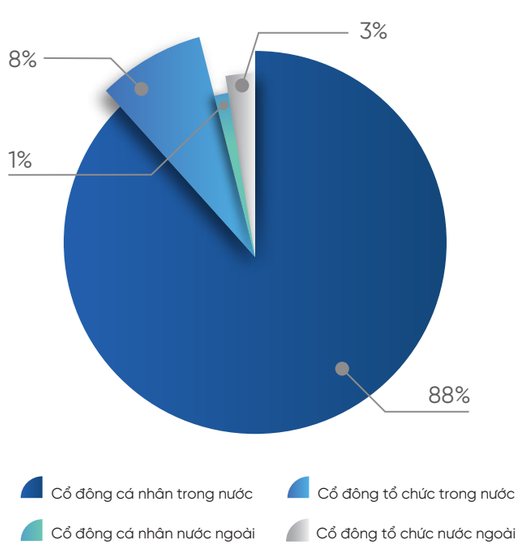

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	4.227.306	8,30	4.434.106	8,71	Mua
2	Phan Minh Thắng	Tổng Giám đốc	223.957	0,44	581.457	1,14	Mua và thưởng ESOP

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- ELCOM là công ty công nghệ cao có lĩnh vực hoạt động chủ yếu về sản xuất các sản phẩm phần mềm, tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao..... Các hoạt động này không làm phát sinh các khí thải công nghiệp cũng như khí thải nhà kính
- Công ty thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế và tiết giảm lượng điện tiêu thụ: lập lịch bật tắt các hệ thống kỹ thuật để tắt khi không sử dụng: điều hòa, hệ thống quạt thông gió ở hầm, hút mùi wc, hưởng ứng giờ trái đất, thay thế các đèn chiếu sáng trong văn phòng từ bóng huỳnh quang sang đèn led để tăng độ sáng và giảm điện năng tổn hao.....
- Lượng nước thải của tòa nhà bao gồm nước thải từ lavarbo, thoát sàn, chậu tiểu, bệ xí được thu gom bằng đường ống thoát nước, sau đó chảy vào bể tự hoại để xử lý sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và không tái chế lại.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và không nhận được bất kỳ yêu cầu khắc phục nào của cơ quan, thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động tại Công ty

TT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Bình quân năm 2020 và 2021
Theo trình độ lao động					
1	Sau đại học	Người	16	29	22
2	Cử nhân, Kỹ sư	Người	168	182	175
3	Cao đẳng	Người	5	6	5
4	Trung học chuyên nghiệp	Người	5	6	5
Theo giới tính					
1	Nữ	Người	71	81	76
2	Nam	Người	123	142	132
Tổng cộng		Người	**194**	**223**	**208**

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 giờ. Thực hiện nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

- **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

- Các chế độ về ngày phép và các ngày nghỉ khác tuân thủ hướng dẫn từ Luật lao động.

Chính sách tuyển dụng

- Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

- Riêng khối công nghệ đã triển khai thu hút sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

Chính sách đào tạo

- Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng của nguồn nhân lực, Công ty đã dành ngân sách và thời gian để thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

- Năm 2021, Công ty ưu tiên các hoạt động đào tạo nội bộ, kèm cặp trên công việc, trong bối cảnh dịch các hoạt động đào tạo được tổ chức dạng online với những diễn giả nội bộ. Tổ chức hơn 20 khóa/chủ đề chia sẻ, với gần 600 lượt học viên tham gia.

- Các khóa đào trong năm 2021 tập trung vào: Kỹ năng mềm chung cho cán bộ nhân viên và một số khóa về nhận diện thương hiệu mới, văn hóa Công ty.

Chính sách lương thưởng

- Lương, thưởng của cán bộ nhân viên được chi trả căn cứ vào hiệu quả công việc, thực tế đóng góp của từng người vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty theo quy chế tiền lương cụ thể được công bố tới từng cán bộ nhân viên.

- Mức lương được chia làm 2 phần chính là Lương cơ bản: phù hợp với quy định của Luật lao động và Thưởng theo hiệu quả công việc cá nhân tháng/quý theo đánh giá hiệu quả cá nhân hàng tháng/quý.

- Ngoài ra, có phần thưởng theo hiệu quả, thành tích: Theo doanh thu/doanh số; theo lợi nhuận, theo thành tích đặc biệt.

- Mức thưởng cuối năm và thưởng tháng lương thứ 13 dựa trên hiệu quả kinh doanh chung của Công ty. Ban lãnh đạo xác định quỹ thưởng cho từng phòng, trên cơ sở đó các trưởng bộ phận phân chia cho từng cán bộ nhân viên trong phòng theo quy định của công ty và hướng dẫn của bộ phận nhân sự.

Chính sách trợ cấp

- Hỗ trợ ăn trưa tại Công ty đảm bảo tính an toàn và tiện nghi đặc biệt trong mùa dịch.

- Khám sức khỏe định kỳ (thông thường danh mục/chi phí khám cao hơn gấp 2 so với quy định của Luật lao động).

- Gói bảo hiểm sức khỏe (từ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện) được thiết kế dành riêng cho cán bộ nhân viên ELCOM nhằm giảm thiểu những rủi ro không may mắc phải với mức bồi hoàn, mức bảo vệ và dịch vụ khám cao cấp. Việc được mua gói bảo hiểm sức khỏe dựa trên đánh giá theo kết quả công việc, cống hiến và thâm niên nên đã trở thành động lực thúc đẩy cán bộ nhân viên luôn hoàn thành công việc.

- Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

III – ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2022 – 2025

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về hoạt động kinh doanh

Đánh giá chung về kết quả Công ty năm 2021

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và phát triển kinh tế- xã hội.

Trong bối cảnh đó, ELCOM đã không những ứng biến linh hoạt để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định mà còn biến "nguy" thành "cơ" để tiếp tục tiếp nối được đà tăng trưởng và đạt được những kết quả khả quan, vượt trội trong hoạt động kinh doanh năm 2021.

	Kế hoạch 2021 *(tỷ đồng)*	Thực hiện 2021 *(tỷ đồng)*	Tỷ lệ hoàn thành *(%)*
Doanh thu thuần	915	659,13	72,04%
Lợi nhuận sau thuế	39	50,38	129,18%

Kết quả kinh doanh năm 2021, Công ty hoàn thành vượt gần **30% lợi nhuận sau thuế**, **tăng trưởng hơn 60% so với lợi nhuận năm ngoái.** Về mặt doanh thu, mặc dù mới đạt 72% so với chỉ tiêu kế hoạch nhưng với sự vượt trội của lợi nhuận, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh càng được gia tăng và tối ưu với tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh doanh từ 3,9% năm 2020 đã tăng lên 7,6% năm 2021, theo đúng định hướng chiến lược Công ty để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả. Với kết quả của năm 2021, đà tăng trưởng trong chu kỳ mới từ 2018 đến nay vẫn tiếp tục được duy trì với mức độ ổn định và bền vững hơn.

Kết quả kinh doanh Công ty trong năm 2021 ghi nhận sự chuyển biến tích cực của mảng Kinh doanh B1 gồm những hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện hữu ở các mảng thị trường truyền thống là Viễn thông, Giao thông thông minh, An ninh quốc phòng, với những dòng sản phẩm công nghệ mới thông minh. Việc sớm có những định hướng chiến lược phát triển từ vài năm trước và tập trung nghiên cứu về các xu thế công nghệ mới, phát triển và ứng dụng vào các dòng sản phẩm mới cho các mảng thị trường trên đã giúp ELCOM đón đầu được cơ hội, xu thế mới và có lợi thế lớn trong việc chiếm lĩnh thị trường và cải thiện biên lợi nhuận.

Với mảng Giao thông thông minh, trong năm 2021, ELCOM tiếp tục triển khai các hệ thống giám sát đô thị thông minh, hệ thống giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông, hệ thống thu phí tự động không dừng, hệ thống kiểm soát tải trọng xe, giải pháp giao thông thông minh cho đường cao tốc,...sử dụng các sản phẩm công nghệ cao "Made by ELCOM" như Camera AI, ITS cao tốc, Smart city, ETC, WIM,...

Kết quả kinh doanh năm 2021 của mảng Giao thông thông minh tiếp tục tăng trưởng so với năm trước và đóng góp cao trong cơ cấu kinh doanh công ty, đặc biệt góp phần cải thiện tỷ lệ lợi nhuận biên của Công ty do các giải pháp giao thông thông minh đều do ELCOM nghiên cứu, phát triển và làm chủ về mặt công nghệ nên hàm lượng chất xám cao và mang lại tỷ lệ lợi nhuận biên khá tốt.

Việc Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư các tuyến đường cao tốc Bắc Nam, dự kiến đến năm 2025-2026 sẽ phải hoàn thành 24 tuyến đường cao tốc có lắp đặt hệ thống giao thông thông minh sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh rất lớn cho ELCOM trong năm 2022 và các năm tiếp theo, khi mà các sản phẩm công nghệ cao của ELCOM đã được triển khai và khẳng định chất lượng. Hiện tại, ELCOM đã ký kết một số hợp đồng lớn cung cấp giải pháp giao thông thông minh trên các tuyến này như Cầu Giẽ – Ninh Bình, Diễn Châu – Bãi Vọt,....và đang tiếp tục xúc tiến, triển khai để tiếp tục ký kết những hợp đồng lớn tiếp theo. Dự kiến trong những năm tới, mảng Giao thông thông minh sẽ có những sự bứt phá và tăng trưởng mạnh mẽ đóng góp trong cơ cấu kinh doanh Công ty.

Với mảng An ninh quốc phòng, đây vẫn luôn là mảng kinh doanh "đặc thù", duy trì được kết quả và sự đóng góp ổn định trong cơ cấu kinh doanh của Công ty qua các năm. Năm 2021, Mảng An ninh quốc phòng tiếp tục có những tăng trưởng mạnh, không những duy trì ổn định về thị trường, khách hàng và doanh số, lợi nhuận mang lại và còn vươn lên đóng góp lớn nhất vào kết quả Công ty trong ba mảng truyền thống. Với việc các giải pháp sản phẩm chiến lược cho thị trường An ninh quốc phòng như Giám sát, trinh sát (VSAT,UHF,VHF,...); Security; IPcore, access; Truyền dẫn DWDM và các giải pháp sản phẩm chuyên dụng tiếp tục được triển khai, mở rộng tới các khách hàng trọng điểm, đã giúp mảng An ninh quốc phòng tiếp tục khẳng định vị thế và tích lũy bề dày kinh nghiệm trong việc triển khai các dự án lớn với các sản phẩm phù hợp với thị trường đặc thù này để duy trì được tỷ trọng doanh thu ổn định. Bên cạnh đó, các giải pháp chiến lược mới cho thị trường đặc thù này vẫn luôn được ELCOM tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm theo định hướng chiến lược của Công ty để đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời tạo ra những giải pháp, sản phẩm tiên phong, đi đầu, tiếp nối những giải pháp, sản phẩm tiêu biểu hiện có.

Mảng thị trường Viễn thông tiếp tục là mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty. ELCOM tiếp tục tập trung mũi nhọn vào các mảng giải pháp sản phẩm theo định hướng chiến lược của mảng Viễn thông như Truyền dẫn DWDM, Truyền dẫn IP, Giám sát quang, RAN/OpenRAN/SmallCell, Synchronization, VAS Telecom và các sản phẩm ELCOM như hệ thống SMPP GW, hệ thống CRBT, hệ thống MCA, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao,....Với những chuyển hướng về định hướng chiến lược và việc triển khai quyết liệt để củng cố lại thị trường, khách hàng, phát triển giải pháp sản phẩm chiến lược,...

Năm 2021, Bên cạnh những chuyển biến tích cực của mảng kinh doanh B1 thì mảng kinh doanh B3 cung cấp các nền tảng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, y tế cho khách hàng cá nhân– một mảng kinh doanh mới phát triển theo định hướng chiến lược phát triển Công ty và là một trong bốn mảng kinh doanh lớn, trụ cột chính giai đoạn 2022 – 2025 cũng đã bắt đầu triển khai kinh doanh.

Các sản phẩm chiến lược của mảng B3 đều đã ra mắt người dùng trong năm 2021 và đặt được những mốc kết quả ấn tượng với lượt người dùng lớn chỉ sau thời gian ngắn ra mắt. Tiêu biểu là Colearn - ứng dụng học tập trực tuyến và 1SK - ứng dụng hỗ trợ người dùng rèn luyện và chăm sóc sức khỏe. Với chiến lược và lộ trình phát triển kinh doanh rõ ràng, cùng với những ưu thế vượt trội của sản phẩm và bối cảnh thúc đẩy hành vi người tiêu dùng thay đổi trước những tác động của dịch bệnh, những thay đổi của công nghệ, lối sống,...các sản phẩm của mảng kinh doanh B3 của ELCOM dự kiến sẽ bắt đầu mang lại những kết quả khả quan đóng góp trong kết quả chung Công ty từ năm 2022, tạo sự chuyển biến về cơ cấu kinh doanh tích cực theo đúng định hướng chiến lược.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, ELCOM tiếp tục nghiên cứu sản phẩm, phân tích thị trường, xây dựng mảng kinh doanh B2 - cung cấp các sản phẩm nền tảng (SaaS, PaaS) cho khách hàng doanh nghiệp. Mảng kinh doanh B4 - đầu tư tài sản bất động sản (BĐS) và cho thuê bắt đầu có sự đóng góp khi tài sản hiện có của Công ty bắt đầu đi vào khai thác cho thuê từ 2021 và Công ty tiếp tục triển khai theo kế hoạch với các tài sản BĐS khác thuộc loại hình cụm công nghiệp và tổ hợp văn phòng và nhà ở, theo định hướng chiến lược Công ty.

Với những chuyển đổi chiến lược kinh doanh với các lĩnh vực công nghệ mới nhằm nắm bắt xu thế, đón đầu cơ hội để đa dạng hóa thị trường kinh doanh, danh mục khách hàng và nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động, mục tiêu trong những năm tới, ELCOM sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới cả về doanh thu và lợi nhuận.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu chính	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	% Tăng/ Giảm (+/-)
Tổng giá trị tài sản	1.498.158	1.145.326	-23,55%
Doanh thu thuần	802.240	659.132	-17,82%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.316	60.759	54,54%
Lợi nhuận trước thuế	40.257	58.794	54,54%
Lợi nhuận sau thuế	31.199	50.308	61.25%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán của Công ty)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	1,90	3,28
Hệ số thanh toán nhanh: *Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho* *Nợ ngắn hạn*	Lần	1,53	2,76
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,43	0,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,76	0,32
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: *Giá vốn hàng bán* *Hàng tồn kho BQ*	Lần	2,95	2,86
Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần* *Tổng tài sản BQ*	Lần	0,55	0,50
Vòng quay vốn lưu động *Doanh thu thuần* *Tổng tài sản ngắn hạn BQ*	Lần	0,69	0,63
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,89	7,63
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	3,72	5,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,14	3,81
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	625,76	947,74

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán của Công ty)

Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần

659,13 tỷ đồng

Hoàn thành

72,04 %

so với năm 2021

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

50,38 tỷ đồng

Hoàn thành

129,18 %

so với năm 2021

(Theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty)

Kết quả kinh doanh năm 2021 ghi nhận đà tăng trưởng lợi nhuận không ngừng của Công ty trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định. Công ty hoàn thành vượt gần 30% lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng Công ty đầu năm 2021 thông qua, đồng thời tăng trưởng hơn 60% so với mức lợi nhuận sau thuế năm 2020. Đây là sự ghi nhận những nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty trong bối cảnh những đợt dịch Covid- 19 bùng phát liên tiếp bởi sự lây lan chóng mặt của các biến chủng virus mới, gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Để đối mặt và vượt qua những khó khăn, thách thức, biến động của tình hình kinh tế xã hội, Công ty đã nâng cao khả năng ứng phó linh hoạt, thay đổi mô hình tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra bước "chuyển mình" đưa quy mô, vị thế của Công ty lên một tầm cao mới về hình ảnh thương hiệu cũng như ngưỡng doanh thu và lợi nhuận theo định hướng chiến lược mà Hội đồng quản trị đã vạch ra.

Định hướng chiến lược

Định hướng chiến lược

Sau giai đoạn khó khăn do thị trường viễn thông bị bão hòa, ELCOM bắt đầu thay đổi chiến lược phát triển theo mô hình Tập đoàn với bốn trụ cột chính bao gồm mảng B1 gồm những hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện hữu, mảng B2 cung cấp các sản phẩm, giải pháp công nghệ (SaaS, PaaS) cho khách hàng doanh nghiệp, mảng B3 cung cấp các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục (Colearn), y tế (Vital Sign), sức khỏe (1SK) cho Khách hàng cá nhân, và mảng B4 đầu tư và phát triển bất động sản. Với sự thay đổi về cấu trúc này, có thể thấy ELCOM đang dần đa dạng hóa danh mục khách cũng như dần dịch chuyển các dịch vụ công nghệ theo hướng phát sinh định kỳ hơn, nhằm giảm độ biến động trong kết quả kinh doanh nếu chỉ phụ thuộc vào các dự án trúng thầu. Điều này cũng sẽ đòi hỏi ELCOM sự đầu tư lớn vào việc nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi nhằm bổ trợ những lĩnh vực kinh doanh mới này.

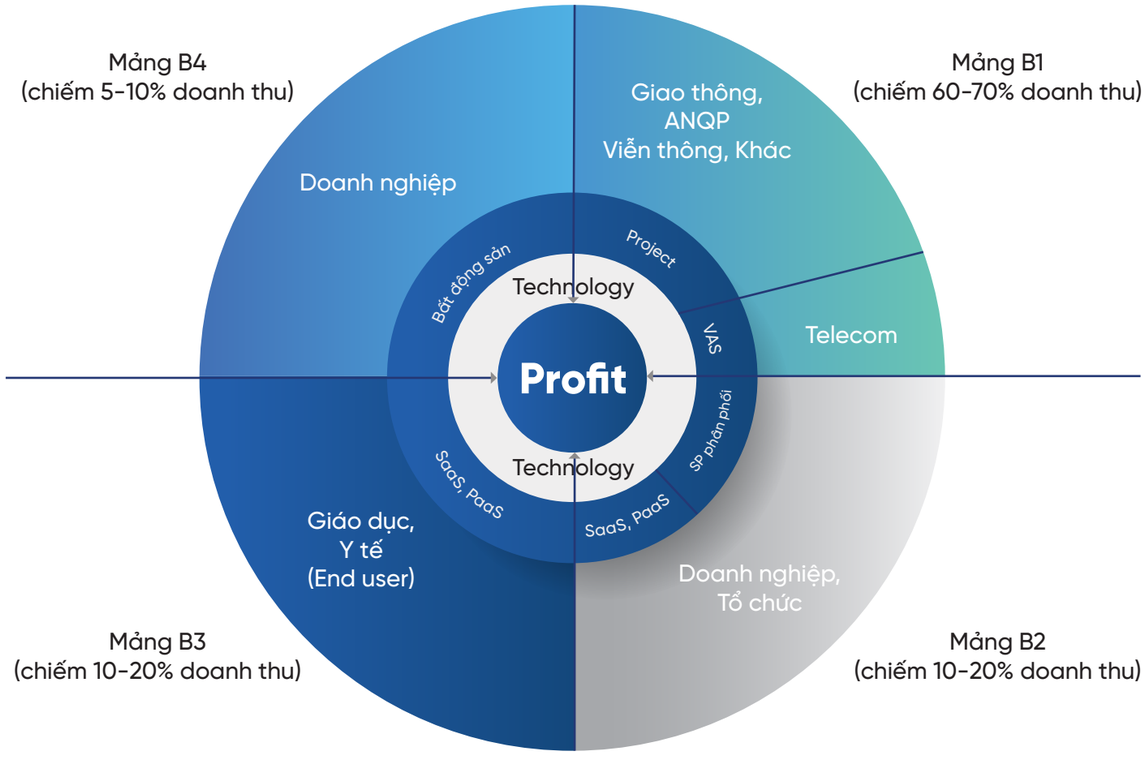

CÁC MẢNG KINH DOANH CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

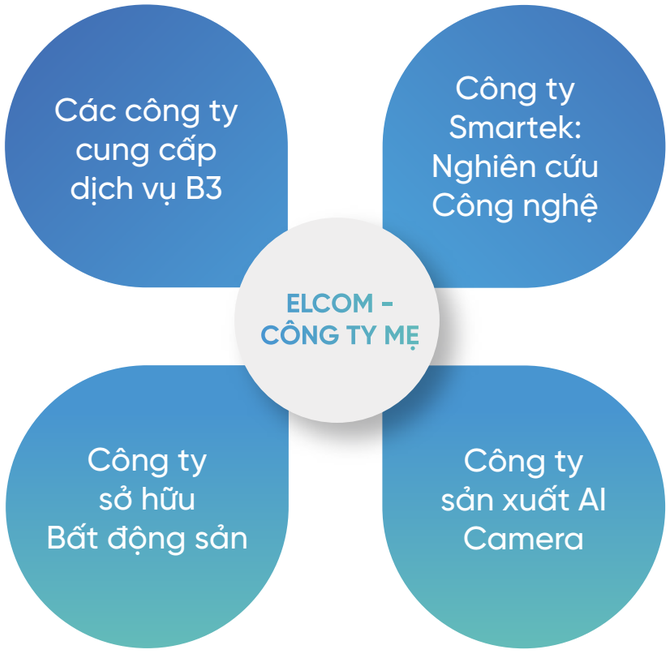

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN

(Nguồn: CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông)

Kế hoạch kinh doanh 2022

Với các mục tiêu trên, Hội đồng quản trị ELCOM đã đặt ra một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau

	Kế hoạch 2022 *(tỷ đồng)*	Tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ *(%)*
Doanh thu thuần	1000	51%
Lợi nhuận sau thuế	70	39%
Cổ tức	Tối đa 12%	

IV - QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT ELCOM gồm có 07 thành viên, trong có 02 thành viên HĐQT độc lập và 4 thành viên HĐQT không điều hành tuân thủ theo quy định của pháp luật về số lượng thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT.

Danh sách các thành viên HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT- Thành viên HĐQT không điều hành	24/04/2017	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT không điều hành	24/04/2017	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	24/04/2017	
4	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT không điều hành	24/04/2017	
5	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT kiêm điều hành	24/04/2017	
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT độc lập	28/04/2020	
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	23/04/2018	

Các cuộc họp HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	9	100%	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	9	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	9	100%	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	9	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	9	100%	
6	Bà Nguyễn Thi Thanh Thủy	Thành viên	9	100%	
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	9	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trong bối cảnh khó khăn vì diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19, HĐQT cùng với Ban điều hành đã có những quyết sách chỉ đạo tình hình kinh doanh với mục tiêu kép vừa ổn định sản xuất kinh doanh, bám sát mục tiêu tăng trưởng của Công ty vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch hiệu quả như sau:

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 để trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo đốc thúc Ban điều hành tăng cường triển khai các dự án theo đúng tiến độ, phát triển thị trường, khách hàng theo đúng định hướng chiến lược của Công ty. Triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp với bối cảnh dịch bệnh Covid và bám sát mục tiêu tăng trưởng của Công ty;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định phòng dịch Covid, bố trí chế độ làm việc phù hợp cho cán bộ nhân viên trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19 nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động đồng thời duy trì nguồn nhân lực không ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực tế, 100% cán bộ nhân viên của Công ty đã hoàn thành việc tiêm vắc xin phòng Covid-19 rất sớm, giúp Công ty nhanh chóng ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh trong điều kiện bình thường mới.
- Chỉ đạo việc hoàn thành và công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
- Chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Kiện toàn đội ngũ lao động, phát triển nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết và sáng tạo đồng thời bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.
- Áp dụng công cụ, số hóa và phương pháp quản trị theo mục tiêu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu suất làm việc của bộ máy tổ chức;
- Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu các giải pháp công nghệ, ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ các lĩnh vực kinh doanh của Công ty và hướng tới các khách hàng là doanh nghiệp, người dùng cuối như các ứng dụng trực tuyến về chăm sóc sức khỏe (1SK), giáo dục (COLEARN),...
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;
- Triển khai đẩy mạnh công tác truyền thông, công bố thông tin kịp thời minh bạch đến các nhà đầu tư;
- Triển khai chi trả cổ tức năm 2020, tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 cho các cổ đông;
- Chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Các tiểu ban Hội đồng quản trị đã tham gia tư vấn, giám sát, tham mưu cho Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	04/01/2021	Thông qua việc phát hành bảo lãnh /vay vốn tại Ngân hàng MB	100%
2	01-03/2021/NQ-HĐQT	03/03/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
3	02-03/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	Thông qua tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB	100%
4	01-05/2021/NQ-HĐQT	28/05/2021	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021, giao dịch với người có liên quan, chi trả thù lao HĐQT, BKS	100%
5	02-05/2021/NQ-HĐQT	28/05/2021	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021, giao dịch với người có liên quan, chi trả thù lao HĐQT, BKS	100%
6	03-05/2021/NQ-HĐQT	28/05/2021	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Techcombank	100%
7	01-06/2021/NQ-HĐQT	10/06/2021	Thông qua tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng MB.	100%
8	02-06/2021/NQ-HĐQT	21/06/2021	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021	100%
9	01-10/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Thông qua việc thành lập tiểu ban Kiểm toán nội bộ	100%
10	01-12/2021/NQ-HĐQT	06/12/2021	Thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường	100%
11	02-12/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tổng thể để tăng vốn điều lệ trình ĐHĐCĐ	100%

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

1. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện các công việc theo phân công nhiệm vụ như sau:

   - Bà Ngô Kiều Anh - Trưởng BKS: Phụ trách chung và phụ trách kiểm soát về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ;
   - Bà Vũ Thị Ngân Hà - Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về pháp chế, tuân thủ, quản trị rủi ro;
   - Bà Hoàng Thị Phương Thúy - Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về công tác quản trị điều hành, chính sách, đãi ngộ.

2. Năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm soát theo quy định và tiến hành 3 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát, nội dung như sau:

Phiên họp	**Thành phần tham dự**	**Nội dung họp**
Phiên họp thứ 1 Ngày 31/3/2021	3/3	- Thảo luận và đánh giá về tình hình hoạt động 6 tháng cuối năm 2020 của Công ty (tình hình hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và việc thực hiện các NQ của ĐHCĐ) - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch KD năm 2020 - Đánh giá báo cáo tài chính riêng và BCTC HN năm 2020 - Các Vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị đối với Ban Lãnh đạo Công ty và Bộ phận - Thống nhất kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021
Phiên họp thứ 2 Ngày 05/4/2021	3/3	- Đánh giá kết quả các hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ - Đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2020 - Xem xét xây dựng nội dung Quy chế hoạt động của BKS năm 2021 theo hướng dẫn mới - Thống nhất các nội dung đưa vào Báo cáo trình ĐHCĐ thường niên năm 2021

Phiên họp thứ 3 Ngày 15/11/2021 (chậm so với Kế hoạch năm do ảnh hưởng bởi dịch covid)	3/3	- Thảo luận và đánh giá về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty (tình hình hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và việc thực hiện các NQ của ĐHCĐ) - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch KD năm 2021 - Đánh giá báo cáo tài chính riêng và BCTC HN 6 tháng 2021 - Các Vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị đối với Ban Lãnh đạo Công ty và Bộ phận thông qua rà soát tình hình kinh doanh, BCTC

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

II. Về giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Hoạt động của Công ty trong năm 2021 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:
  + Các giao dịch cổ phiếu ELC của các cổ đông nội bộ, người quản lý và người có liên quan;
  + Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm theo đúng thời gian/gia hạn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
  + Các Báo cáo quản trị công ty 6 tháng và hàng năm theo định kỳ;
  + Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.
- Công ty đã thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2021 theo Tờ trình số 04/2021/TT-HĐQT ngày 5/4/2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình số 06/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 07/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công ty đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 08/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021), Quy chế hoạt động của BKS (Tờ trình số 09/2021/TT-HĐQT ngày 05/04/2021) đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo đúng phương án phân chia đã được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021, trong đó: đã chi cổ tức bằng tiền mặt là 30.324.000.210 đồng.
- Thực hiện thưởng cổ phiếu quỹ cho CBNV là 200.000 cổ phiếu (trong tổng số 309.595 cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ duyệt)

III. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2021, HĐQT đã họp và thông qua Nghị quyết về các vấn đề:
  + Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021;
  + Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021;
  + Thông qua việc sửa đổi, bổ sung giao dịch với người có liên quan;
  + Thông qua triển khai việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS;
  + Thông qua triển khai phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động;
  + Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 theo tỷ lệ đã được ĐHCĐ thông qua;
  + Thông qua việc thành lập tiểu ban Kiểm toán nội bộ
  + Thông qua phương án tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2022
  + Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tổng để tăng vốn điều lệ trình ĐHCĐ
  + Thông qua tài sản đảm bảo và hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng giao dịch…
- Thể thức và nội dung cuộc họp được thực hiện theo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- HĐQT đã có những định hướng chiến lược và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành. Với mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng, chống dịch hiệu quả vừa bám sát mục tiêu kinh doanh của Công ty, HĐQT đã phối hợp với Ban điều hành để ra những chính sách, quyết định điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời.

IV. Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành:

Trong bối cảnh đại dịch covid 19 diễn biến phức tạp, Ban điều hành đã chỉ đạo, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT, đồng thời chủ động tìm những cơ hội phát triển kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 để HĐQT xem xét trình ĐHCĐ thông qua.
- Xây dựng mô hình Công ty mẹ -con theo hướng phát triển 4 mảng kinh doanh chính (4B) với mục tiêu phát triển ra khu vực và thế giới.
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với bối cảnh dịch bệnh, đồng thời tập trung phát triển thị trường, khách hàng đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược của Công ty.
- Tăng cường giám sát, đốc thúc các Dự án triển khai theo đúng tiến độ đảm bảo kế hoạch lợi nhuận kinh doanh từng kỳ. Xây dựng phương án ứng phó sẵn sàng trong hoàn cảnh giãn cách do dịch bệnh, nhiều hạng mục, hợp đồng phải tạm dừng triển khai, thi công.
- Tiếp tục ưu tiên đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới phục vụ kinh doanh hiện tại và sẵn sàng cho nhu cầu mới của thị trường, khách hàng. Trong năm 1 số sản phẩm đã đem lại doanh thu, lợi nhuận như các ứng dụng trực tuyến về chăm sóc sức khỏe (1SK), giáo dục (COLEARN)…ứng dụng một số nghiên cứu camera thương mại đưa

vào triển khai các Hợp đồng về lắp đặt, tích hợp vận hành camera, ví dụ như HĐ ký với UBND tỉnh Yên Bái, Phòng quản lý đô thị tỉnh Bắc Ninh..

- Rà soát đánh giá lại hiệu quả các khoản đầu tư để tìm biện pháp xử lý, bắt đầu ưu tiên cho các dự án Bất động sản để đưa vào một trong 4 mảng kinh doanh chính của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp như thuê luật sư, tận dụng các mối quan hệ đối tác.. để thu hồi các khoản nợ chậm thanh toán, khó đòi. Việc thu nợ khó đòi bước đầu đã có kết quả, tuy chưa nhiều, trong năm đã thu được 1 số khoản làm giảm số dự phòng.

- Kiểm soát chặt các yêu cầu mua hàng và đảm bảo hàng hóa đáp ứng kịp thời cho các Hợp đồng /Dự án, không bị chậm tiến độ trong hoàn cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy, có nhiều khó khăn.

- Điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, bố trí sắp xếp nhân sự, thời gian làm việc tại nhà kịp thời, giảm thiểu các tác động tiêu cực ảnh hưởng bởi các quy định giãn cách phòng chống dịch. Trong năm số lượng CBNV bị nhiễm covid không đáng kể và đã được khoanh vùng, xử lý tốt, không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, không có trường hợp nào CBNV bị chấm dứt HĐLD, cắt giảm lương do ảnh hưởng dịch bệnh.

V. Về giám sát công tác tài chính, kế toán của Công ty:

- Năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, rà soát chứng từ, số liệu tài chính, hệ thống kiểm soát để đưa ra ý kiến đánh giá độc lập về hoạt động kinh doanh và công tác quản trị của Công ty. Các ý kiến, kiến nghị đều được lập thành báo cáo gửi HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện và đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp thuận toàn phần. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 như sau:

+ Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1.	Doanh thu thuần	915	659.13	72.02%
2.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39	50.3	128.99%

So với Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 29%, doanh thu hoàn thành 72%, do một số HĐ chậm triển khai từ phía khách hàng tạm dừng hoạt động bởi quy định giãn cách dịch bệnh. Đây là kết quả nỗ lực và quyết tâm của toàn CBNV dưới sự chỉ đạo linh hoạt, giám sát, đốc thúc quyết liệt của Ban điều hành Công ty so với mặt bằng nhiều Doanh nghiệp bị tổn thất, ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch.

Giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2021 như sau

TT	Nội dung	Chức vụ	Năm 2021 (triệu đồng)	Lợi ích khác
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	532	Cho thuê văn phòng tại HCM: 300 triệu đồng
2	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	170	
3	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	170	
4	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	170	
5	Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng GĐ/ Thành viên HĐQT	432	
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120	
7	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	120	
8	Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	418	Thưởng 150.000 cổ phiếu quỹ
9	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	548	
10	Ngô Kiều Anh	Trưởng BKS	290	
11	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	334	
12	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	36	

V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về qui định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

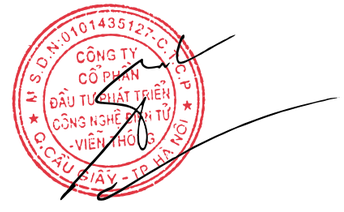

Phạm Minh Thắng

Số : ...../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Phương Anh	**Trần Tuấn Ninh**
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán	*Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán*
số 0739-2018-133-1	*số 3964-2022-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**878.345.287.612**	**1.205.815.319.102**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**154.654.621.594**	**305.194.698.884**
111	1. Tiền		118.932.163.512	288.814.698.884
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.722.458.082	16.380.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4.a**	**27.245.487.699**	**23.922.295.740**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	67.295.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.245.487.699	23.855.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**556.366.668.916**	**643.216.523.353**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	429.460.309.137	544.086.916.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	123.025.012.931	87.833.842.603
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.292.000.000	18.842.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	32.255.770.005	31.723.215.864
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(34.666.423.157)	(39.269.451.434)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**138.755.044.899**	**232.086.855.136**
141	1. Hàng tồn kho		138.755.044.899	232.086.855.136
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.323.464.504**	**1.394.945.989**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	466.154.828	570.526.862
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		857.309.676	800.687.938
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	23.731.189
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**266.981.070.897**	**292.342.684.894**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**181.700.000**	**181.700.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	8.b	181.700.000	181.700.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**10.808.666.196**	**66.946.209.283**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.728.885.895	64.217.613.459
222	- Nguyên giá		87.619.347.126	183.196.233.398
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(78.890.461.231)	(118.978.619.939)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	2.079.780.301	2.728.595.825
228	- Nguyên giá		7.833.342.257	7.833.342.257
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(5.753.561.956)	(5.104.746.432)
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**8.038.288.648**	**8.038.288.648**
231	- Nguyên giá		10.190.534.149	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(2.152.245.501)	(2.152.245.501)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**11**	**246.601.885**	**246.601.885**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		246.601.885	246.601.885
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4.b**	**244.355.714.848**	**213.155.316.940**
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		128.012.500.588	97.580.633.907
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.357.748.457	123.357.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(7.014.534.197)	(7.783.065.424)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**3.350.099.320**	**3.774.568.138**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	3.066.095.874	3.435.247.419
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		284.003.446	339.320.719
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.145.326.358.509**	**1.498.158.003.996**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**276.940.734.187**	**644.865.449.194**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**267.967.072.454**	**635.692.672.512**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	129.412.323.384	282.417.078.702
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	58.079.784.283	240.248.825.171
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.169.586.751	10.297.574.765
314	4. Phải trả người lao động		8.851.712.561	8.534.665.484
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	10.393.017.830	5.953.012.165
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.391.019.396	662.758.335
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	11.843.812.494	19.694.403.077
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	31.385.928.049	63.238.059.999
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	7.496.580.356	798.275.172
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.943.307.350	3.848.019.642
330	**II. Nợ dài hạn**		**8.973.661.733**	**9.172.776.682**
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	1.603.790.400
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.b	-	5.791.188.423
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.381.962.833	1.777.797.859
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**868.385.624.322**	**853.292.554.802**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**24**	**868.385.624.322**	**853.292.554.802**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		509.282.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	509.282.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.677.010.000	88.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.349.334.820)	(3.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		213.858.698.235	201.462.354.663
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		165.746.469.178	169.659.698.407
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		48.112.229.057	31.802.656.256
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		13.306.565.331	10.609.839.384
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.145.326.358.509**	**1.498.158.003.996**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26**	**659.260.549.082**	**802.240.521.980**
02	**2. Các khoản giảm trừ**	**27**	**128.383.270**	**7.081.818**
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**28**	**659.132.165.812**	**802.233.440.162**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**29**	**530.050.105.850**	**666.857.279.950**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)**		**129.082.059.962**	**135.376.160.212**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**30**	**10.847.323.144**	**12.713.639.816**
22	**7. Chi phí tài chính**	**31**	**4.923.757.053**	**7.038.160.993**
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.676.728.124	4.552.577.118
24	**8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết**		**20.355.519.365**	**(40.737.120)**
25	**9. Chi phí bán hàng**	**32**	**40.036.046.250**	**30.884.294.947**
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**33**	**54.565.236.220**	**70.810.400.304**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}**		**60.759.862.948**	**39.316.206.664**
31	**12. Thu nhập khác**	**34**	**1.213.702.195**	**1.285.621.089**
32	**13. Chi phí khác**	**35**	**3.179.248.652**	**344.453.012**
40	**14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**		**(1.965.546.457)**	**941.168.077**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**		**58.794.316.491**	**40.257.374.741**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**36**	**8.430.044.214**	**8.896.727.612**
52	**17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		**55.317.273**	**161.304.648**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)**		**50.308.955.004**	**31.199.342.481**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**48.112.229.057**	**31.802.656.256**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**2.196.725.947**	**(603.313.775)**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**37**	**947**	**628**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**	**58.794.316.491**	**40.257.374.741**
	2. Điều chỉnh cho các khoản	**7.681.559.946**	**19.208.933.919**
02	- Khấu hao tài sản cố định	7.394.161.230	11.565.776.797
03	- Các khoản dự phòng	5.930.910.654	14.720.101.366
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	597.477.956	(713.749.655)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(9.917.718.018)	(11.010.961.707)
06	- Chi phí lãi vay	3.676.728.124	4.552.577.118
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	95.190.000
08	**3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**66.475.876.437**	**59.466.308.660**
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	69.834.693.785	177.023.996.026
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	91.972.961.992	(11.484.016.703)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(309.454.076.562)	51.499.195.403
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	473.523.579	(723.323.583)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	67.295.740	4.190.000.000
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.676.728.124)	(1.484.811.581)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(12.606.409.301)	(10.919.242.635)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.392.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(464.712.292)	(2.876.057.886)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**(97.377.574.746)**	**264.693.439.701**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.010.624.545)	(921.402.726)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	19.045.909.091	645.454.545
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn	(14.370.487.699)	(17.745.582.125)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	22.530.000.000	6.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.861.044.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.977.809.836	8.607.227.166
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**15.311.562.683**	**(2.714.303.140)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Tiếp theo)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	217.949.786.751	81.284.952.023
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(255.593.107.124)	(81.303.094.356)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(30.324.000.210)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**(67.467.320.583)**	**(18.142.333)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**(149.533.332.645)**	**261.960.994.228**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**305.194.698.884**	**43.233.704.656**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.006.744.645)	
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**154.654.621.594**	**305.194.698.884**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRONICS COMMUNICATIONS TECHNOLOGY INVESTMENT DEVELOPMENT CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số cán bộ công nhân viên : 223 người

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;

- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,… được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm.
- TSCĐ vô hình	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.
Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số

lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.
Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	Công ty con			
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,86%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
3	Công Ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
4	Công ty CP ELCOMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM
5	Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,29%	74,29%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
	Công ty liên kết			
1	Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
2	Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	35,40%	35,40%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
3	Công ty CP Công nghệ VFT	49,00%	49,00%	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con
Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.
Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iv) Công ty liên kết
Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.
Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	533.336.603	2.024.101.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.398.826.909	286.790.596.907
Các khoản tương đương tiền	35.722.458.082	16.380.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng	*35.722.458.082*	*16.380.000.000*
Cộng	**154.654.621.594**	**305.194.698.884**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	-	-	**67.295.740**	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội		-	67.295.740	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**27.245.487.699**	-	**23.855.000.000**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.245.487.699	-	23.855.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	*7.893.706.170*	-	*5.875.000.000*	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	*8.821.424.658*	-	*8.300.000.000*	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô	*4.830.356.871*	-	*2.200.000.000*	-
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thăng Long	*5.000.000.000*	-	*5.000.000.000*	-
Ngân hàng Indovinabank	*700.000.000*	-	*1.000.000.000*	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt		-	*1.480.000.000*	-
Cộng	**27.245.487.699**	-	**23.922.295.740**	-

(*) Bao gồm khoản tiền gửi đồng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 4,35 %/năm đến 5,2%/năm.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	SL cổ phiếu	Số đầu năm				Số cuối năm			
		Giá gốc	GT dự phòng	GT hợp lý		Giá gốc	GT dự phòng	GT hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên kết		**128.012.500.588**	-	**97.580.633.907**		**128.012.500.588**	-	**97.580.633.907**	
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	5.841.463.627	-	5.841.553.809		5.841.463.627	-	5.841.553.809	
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.648.547.778	-	91.739.080.098		91.648.547.778	-	91.739.080.098	
Công ty CP Viễn thông VFT (*)	3.566.563	30.522.489.183				30.522.489.183			
Đầu tư khác		**123.357.748.457**	(7.783.065.424)	**115.574.683.033**		**123.357.748.457**	(7.014.534.197)	**116.343.214.260**	(7.014.534.197)
Đầu tư cổ phiếu		**78.933.482.500**	(7.783.065.424)	**71.150.417.076**		**78.933.482.500**	(7.014.534.197)	**71.918.948.303**	(7.014.534.197)
Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.843.580.622)	26.746.419.378		28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015	(1.942.085.985)
Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông	840.000	6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000	
Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500		2.148.349.500	-	2.148.349.500	
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	19.095	115.000.000	-	115.000.000		115.000.000	-	115.000.000	
Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-		360.000.000	(360.000.000)	-	(360.000.000)
Công ty CP Trung Văn	371.699	26.985.200.000	(903.127.572)	26.082.072.428		26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432	(912.247.568)
Công ty CP Atani Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(4.676.357.230)	10.058.575.770		14.734.933.000	(3.800.200.644)	10.934.732.356	(3.800.200.644)

	44.424.265.957	**44.424.265.957**	-	-	**44.424.265.957**
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (**)	37.771.500.000	37.771.500.000	-	-	37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì	5.862.765.957	5.862.765.957	-	-	5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	390.000.000	-	-	390.000.000
Cộng các khoản đầu tư	**244.355.714.848**	**220.938.382.364**	**(7.783.065.424)**		**213.155.316.940**

(*)Trong năm, Công ty đã có giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT như sau:
- Giao dịch mua 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí là 13.861.044.000 VND.
- Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 13.861.044.000 VND.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	**44.424.265.957**	-		**44.424.265.957**
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (**)	37.771.500.000	-		37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA	400.000.000	-		400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì	5.862.765.957	-		5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	-		390.000.000
Cộng các khoản đầu tư	**251.370.249.045**	**(7.014.534.197)**	**2**	

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Sở TT & truyền thông tỉnh Bắc Ninh	-	9.144.117.110
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	53.663.715.176	40.126.047.638
Công ty TNHH KTCN cao QT Global	5.935.044.000	8.935.044.000
TĐ Viễn thông QĐ/Viettel	25.386.789.103	61.922.079.301
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Cty CP N.D.C	45.150.590.644	106.908.326.101
Cục Hàng Hải Việt Nam	266.437.581	266.437.581
Tổng Công ty viễn thông Mobifone	22.303.948.671	32.601.561.518
Cty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	42.000.000.000	-
Các đối tượng khác	219.219.583.962	268.649.103.071
Cộng	**429.460.309.137**	**544.086.916.320**

b. Phải thu các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
		VND	VND
Cty CP Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	6.300.437.591	6.500.437.591
Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
Cộng		**6.898.208.370**	**7.098.208.370**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	VND
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	2.840.872.250	2.840.872.250
TWS International trading PTE LTD	26.709.516.000	-
Các đối tượng khác	93.474.624.681	84.992.970.353
Cộng	**123.025.012.931**	**87.833.842.603**

b. Trả trước cho các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
		VND	VND
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Cộng		**13.000.000.000**	**13.000.000.000**

(*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cty CP CN vật liệu mới			9.400.000.000	(9.400.000.000)
Cho vay khác (*)	6.292.000.000	-	9.442.000.000	-
Cộng	**6.292.000.000**	-	**18.842.000.000**	**(9.400.000.000)**

Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	**32.255.770.005**	**(6.461.845.048)**	**31.723.215.864**	**(6.461.845.048)**
Tạm ứng	5.745.837.823	-	7.233.487.135	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.059.832.495	-	5.824.405.770	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	22.450.099.687	(6.461.845.048)	18.665.322.959	(6.461.845.048)
b. Phải thu khác dài hạn	**181.700.000**	-	**181.700.000**	-
Phải thu khác	181.700.000	-	181.700.000	-
Cộng	**32.437.470.005**	**(6.461.845.048)**	**31.904.915.864**	**(6.461.845.048)**

(*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	1.588.900.482	1.460.997.489
Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.916.209.769
Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông	1.680.000.000	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	8.419.354.157	4.562.480.422
Cộng	**22.450.099.687**	**18.665.322.959**

c. Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	3.539.885.279	3.539.885.279
Cộng		**3.539.885.279**	**3.539.885.279**

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới	4.111.247.702	-	13.711.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	25.386.789.103	7.540.461.520	61.922.079.301	49.072.723.441
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	10.873.940.000	15.534.200.000	10.873.940.000
Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	11.815.871.980	12.943.377.077	11.815.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717	-	2.783.426.717	-
Cộng	**64.896.696.657**	**30.230.273.500**	**111.031.986.855**	**71.762.535.421**

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.087.719.321	-	171.644.574.712	-
Thành phẩm	13.517.846.157	-	14.503.858.750	-
Hàng hoá	44.146.947.421	-	45.935.889.674	-
Cộng	**138.755.044.899**	-	**232.086.855.136**	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày 31/12/2021: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2021: 0 VND.

11. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản đở dang		
Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	246.601.885
Cộng	**246.601.885**	**246.601.885**

(*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	**69.837.204.029**	**62.638.476.859**	**9.541.624.000**	**38.847.384.142**	**2.331.544.368**	**183.196.233.398**
Số tăng trong năm	267.156.695	-	3.980.170.000	1.782.703.804	(267.156.695)	5.762.873.804
- Mua trong năm	*-*	*-*	3.980.170.000	*1.782.703.804*	*-*	*5.762.873.804*
- Phân loại lại	*267.156.695*				*(267.156.695)*	*-*
Số giảm trong năm	(70.104.360.724)	(477.000.000)	(2.441.516.364)	(28.316.882.988)	-	(101.339.760.076)
- Thanh lý, nhượng bán	*(70.104.360.724)*	*(477.000.000)*	*(2.441.516.364)*	*(28.316.882.988)*	*-*	*(101.339.760.076)*
Số cuối năm	**-**	**62.161.476.859**	**11.080.277.636**	**12.313.204.958**	**2.064.387.673**	**87.619.347.126**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	**21.710.651.502**	**60.785.641.489**	**6.177.726.662**	**28.665.966.335**	**1.638.633.951**	**118.978.619.939**
Số tăng trong năm	1.644.093.654	255.600.901	1.156.233.104	3.318.525.547	370.892.501	6.745.345.707
- Khấu hao trong năm	*1.644.093.654*	*255.600.901*	*1.156.233.104*	*3.318.525.547*	*370.892.501*	*6.745.345.707*
Số giảm trong năm	(23.354.745.156)	(477.000.000)	(1.391.594.614)	(21.610.164.645)	-	(46.833.504.415)
- Thanh lý, nhượng bán	*(23.354.745.156)*	*(477.000.000)*	*(1.391.594.614)*	*(21.610.164.645)*		*(46.833.504.415)*
Số cuối năm	**-**	**60.564.242.390**	**5.942.365.152**	**10.374.327.237**	**2.009.526.452**	**78.890.461.231**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	48.126.552.527	1.852.835.370	3.363.897.338	10.181.417.807	692.910.417	64.217.613.459
Tại ngày cuối năm	**-**	**1.597.234.469**	**5.137.912.484**	**1.938.877.721**	**54.861.221**	**8.728.885.895**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021: 79.121.902.094 VND

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	TSCĐ khác	Cộng
		VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	**7.088.902.376**	**744.439.881**	**7.833.342.257**
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**7.088.902.376**	**744.439.881**	**7.833.342.257**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	**5.056.685.254**	**48.061.178**	**5.104.746.432**
Số tăng trong năm	648.815.524	-	648.815.524
- Khấu hao trong năm	*648.815.524*	-	*648.815.524*
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**5.705.500.778**	**48.061.178**	**5.753.561.956**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**2.032.217.122**	**696.378.703**	**2.728.595.825**
Tại ngày cuối năm	**1.383.401.598**	**696.378.703**	**2.079.780.301**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 8.459.639.881 VND

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	**10.190.534.149**	**10.190.534.149**
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**10.190.534.149**	**10.190.534.149**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	**2.152.245.501**	**2.152.245.501**
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**2.152.245.501**	**2.152.245.501**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**8.038.288.648**	**8.038.288.648**
Tại ngày cuối năm	**8.038.288.648**	**8.038.288.648**

- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 0 VND

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho, chi phí khác	466.154.828	570.526.862
Cộng	**466.154.828**	**570.526.862**
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	1.973.219.740	2.136.074.055
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	1.092.876.134	1.299.173.364
Cộng	**3.066.095.874**	**3.435.247.419**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	**31.385.928.049**	**31.385.928.049**	**223.471.225.185**	**255.323.357.135**	**63.238.059.999**	**63.238.059.999**
Vay Ngân hàng	**486.000.000**	**486.000.000**	**215.492.447.136**	**255.323.357.135**	**40.316.909.999**	**40.316.909.999**
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	-	-	*78.522.630.102*	*103.190.797.689*	*24.668.167.587*	*24.668.167.587*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	*123.783.817.034*	*139.349.559.442*	*15.565.742.408*	*15.565.742.408*
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV	*486.000.000*	*486.000.000*	*486.000.000*	*83.000.004*	*83.000.004*	*83.000.004*
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	*12.700.000.000*	*12.700.000.000*		-
Nợ Dài hạn đến hạn trả	***30.899.928.049***	***30.899.928.049***	***7.978.778.049***	**-**	***22.921.150.000***	***22.921.150.000***
Vay dài đến hạn trả (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt)	30.899.928.049	*30.899.928.049*	*7.978.778.049*	-	*22.921.150.000*	*22.921.150.000*
b. Vay dài hạn	-	-	-	**5.791.188.423**	**5.791.188.423**	**5.791.188.423**
Vay dài hạn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-		*5.521.438.434*	*5.521.438.434*	*5.521.438.434*
Vay dài hạn Ngân hàng Tiên Phong	-	-	-	*269.749.989*	*269.749.989*	*269.749.989*
Cộng	**31.385.928.049**	**31.385.928.049**	**223.471.225.185**	**261.114.545.558**	**69.029.248.422**	**69.029.248.422**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ciena Communications	3.091.601.958	3.091.601.958	143.039.787.926	143.039.787.926
Cty CP chuyển giao CN Tam Hoa (*)	-	-	3.075.820.000	3.075.820.000
Công ty CP uy tín Toàn Cầu	-	-	5.458.780.000	5.458.780.000
Comverse Network Ltd	73.914.535.130	73.914.535.130	45.512.767.523	45.512.767.523
ISG Technology Pte Ltd	1.803.248.672	1.803.248.672	4.121.553.210	4.121.553.210
Cty CP kỹ thuật Toàn Cầu	13.081.452.010	13.081.452.010	8.565.790.640	8.565.790.640
Hudson Capital Holding		-	19.462.638.794	19.462.638.794
Các đối tượng khác	37.521.485.614	37.521.485.614	53.179.940.609	53.179.940.609
Cộng	**129.412.323.384**	**129.412.323.384**	**282.417.078.702**	**282.417.078.702**

(*) Trước đây là Công ty CP Khoa học ứng dụng PPH, hiện nay đã đổi tên thành Công ty CP chuyển giao Công nghệ Tam Hoa.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công an tỉnh Thanh Hóa	-	59.175.631.528
Cục B05 - Bộ Công An	440.080.000	164.874.099.411
Cục CSQL trại giam - Bộ Công An	8.427.378.500	-
TT tin học - Bộ Kế hoạch đầu tư	34.779.835.000	-
Các đối tượng khác	14.432.490.783	16.199.094.232
Cộng	**58.079.784.283**	**240.248.825.171**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải thu cuối năm	Số còn phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.314.222.329	30.865.890.881	32.921.040.261	-	2.259.072.949
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	131.796.123	131.796.123	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.312.724.404	8.430.044.214	12.630.140.490	-	1.112.628.128
Thuế Thu nhập cá nhân	-	287.218.263	4.426.433.893	4.155.081.008	-	558.571.148
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.134.034	3.134.034	-	-
Thuế nhà thầu	-	270.349.172	3.158.444.610	3.302.539.853	-	126.253.929
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.060.597	-	-	-	113.060.597
Cộng	**-**	**10.297.574.765**	**47.015.743.755**	**53.143.731.769**	**-**	**4.169.586.751**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thực hiện dự án	9.858.705.564	5.529.896.701
Chi trả phải trả khác	534.312.266	423.115.464
Cộng	**10.393.017.830**	**5.953.012.165**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.521.117.116	1.275.842.916
Phải trả cổ tức cho cổ đông	872.498.998	825.310.408
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.708.996.185	8.653.829.185
Phải trả hàng mang đi bảo hành	141.899.602	510.960.272
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	8.016.930.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	668.780.593	411.530.296
Cộng	**11.843.812.494**	**19.694.403.077**

(*) Bao gồm:

+ Khoản lợi nhuận trước thuế phải trả tạm tính cho Công ty CP N.D.C theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/03/2020 giữa Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - Viễn thông (Elcom corp) và Công ty CP N.D.C (N.D.C). Theo đó 2 bên cùng hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ viễn thông của hãng Ciena cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội Viettel; tỷ lệ lợi nhuận được hưởng: Elcom corp được hưởng 40% lợi nhuận trước thuế, N.D.C được hưởng 60% lợi nhuận trước thuế của dự án, số tiền Elcom còn phải trả cho N.D.C là 0 VND.

+ Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.591.698.900	1.603.790.400
Cộng	**2.591.698.900**	**1.603.790.400**

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng	1.391.019.396	662.758.335
Cộng	**1.391.019.396**	**662.758.335**

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.496.580.356	798.275.172
Cộng	**7.496.580.356**	**798.275.172**
b. Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.381.962.833	1.777.797.859
Cộng	**6.381.962.833**	**1.777.797.859**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	**509.282.430.000**	**88.677.010.000**	**(3.349.334.820)**	**41.410.255.576**	**5.200.000.000**	**171.152.698.406**	**11.213.153.159**	**823.586.212.321**
Lãi trong năm						31.802.656.256		31.802.656.256
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con							(603.313.775)	(603.313.775)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(1.493.000.000)		(1.493.000.000)
Số dư đầu năm nay	**509.282.430.000**	**88.677.010.000**	**(3.349.334.820)**	**41.410.255.576**	**5.200.000.000**	**201.462.354.662**	**10.609.839.384**	**853.292.554.802**
Lãi trong kỳ						48.112.229.057	2.196.725.947	50.308.955.004
Trích lập các quỹ (1)						(1.560.000.000)		(1.560.000.000)
Tăng khác							500.000.000	500.000.000
Chia cổ tức (2)						(30.371.188.800)		(30.371.188.800)
Mua lại cổ phiếu quỹ			2.000.000.000					2.000.000.000
Chia cổ phiếu thưởng (3)		(2.000.000.000)						(2.000.000.000)
Giảm khác		-		-	-	(3.784.696.684)		(3.784.696.684)
Số cuối năm	**509.282.430.000**	**86.677.010.000**	**(1.349.334.820)**	**41.410.255.576**	**5.200.000.000**	**213.858.698.235**	**13.306.565.331**	**868.385.624.322**

(1) Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen	1.560.000.000
Tổng cộng	**1.560.000.000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(2) Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt 6% theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 02-06/2021/NQ-HĐQT ngày 21/06/2021, với số tiền: 30.371.188.800 VND. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2021, tổng số tiền cổ tức Công ty đã thực trả cho cổ đông là: 30.324.000.210 VND.

(3) Theo Nghị quyết số 02-05/2021/NQ-HĐQT ngày 28/05/2021 của HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ điện tử - Viễn thông, quyết định thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động trong Công ty: 309.595 cổ phiếu, trong đó chia làm 2 đợt:
+ Đợt 1: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 200.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 VND. Ngày 07/09/2021, Công ty đã báo cáo UBCK Nhà nước về việc hoàn thành giao dịch đợt 1.
+ Đợt 2: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 109.595 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 1.095.950.000 VND, thời gian thực hiện sau đợt 1 và theo Quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2022, Công ty đã gửi công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ tới UBCK Nhà nước, theo đó thời gian thực hiện chi trả đợt 2 dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	31.055.140.000	6,10%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	44.341.060.000	8,71%	42.273.060.000	8,30%
- Ông Trần Hùng Giang	29.884.370.000	5,87%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	29.675.150.000	5,82%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	374.326.710.000	73,50%	376.394.710.000	73,91%
	509.282.430.000	100%	509.282.430.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- **Vốn góp cuối năm**	**509.282.430.000**	**509.282.430.000**

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.928.243	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.928.243	50.928.243
- Cổ phiếu phổ thông	*50.928.243*	*50.928.243*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	109.595	309.595
- Cổ phiếu phổ thông	*109.595*	*309.595*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.818.648	50.618.648
- Cổ phiếu phổ thông	*50.818.648*	*50.618.648*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	30.371.188.800	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	30.371.188.800	-
- Cổ tức đã chi trả trong năm	30.324.000.210	-

(*) Nghị quyết số 02-06/2021/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty CP ĐTPT Công nghệ điện tử - viễn thông ngày 21/06/2021 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt, cụ thể:
Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt: 6% (600 đồng/ cổ phiếu), trong đó:
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020: 3% (300 đồng/ cổ phiếu)
+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021: 3% (300 đồng/ cổ phiếu).

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.077.451,20	7.172.131,89
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	**18.307.777.778**	**8.707.777.778**

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	18.214.471.070	691.409.355.196
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	551.622.161.245	25.217.022.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.423.916.767	85.614.144.784
Cộng	**659.260.549.082**	**802.240.521.980**

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	128.383.270	7.081.818
Cộng	**128.383.270**	**7.081.818**

28. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	18.086.087.800	691.402.273.378
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	551.622.161.245	25.217.022.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.423.916.767	85.614.144.784
Cộng	**659.132.165.812**	**802.233.440.162**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	3.921.865.322	615.846.154.189
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	479.648.587.231	4.718.030.952
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	46.479.653.297	46.293.094.809
Cộng	**530.050.105.850**	**666.857.279.950**

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.412.871.413	6.661.277.254
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.718.190.000	3.896.957.186
- Lãi chứng khoán kinh doanh	305.956.260	-
- Chiết khấu thanh toán được nhận	4.917.186.000	-
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.493.119.471	2.155.405.376
Cộng	**10.847.323.144**	**12.713.639.816**

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	3.676.728.124	4.552.577.118
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.418.082.200	1.380.925.176
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	597.477.956	-
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	(768.531.227)	1.104.658.699
Cộng	**4.923.757.053**	**7.038.160.993**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	22.008.817.117	21.314.518.908
- Chi phí khấu hao	1.672.157.526	1.501.895.612
- Chi phí dự phòng bảo hành	9.459.338.693	1.189.938.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.947.631.932	4.582.531.806
- Chi phí khác bằng tiền	948.100.982	2.295.410.101
Cộng	**40.036.046.250**	**30.884.294.947**

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	42.596.089.121	37.078.963.958
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.507.420.724	8.656.958.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.133.535.906	13.633.668.128
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.603.028.277)	8.481.654.000
- Chi phí khác bằng tiền	2.931.218.746	2.959.155.220
	54.565.236.220	**70.810.400.304**

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	993.356.802	645.454.545
- Thu nhập khác	220.345.393	640.166.544
Cộng	**1.213.702.195**	**1.285.621.089**

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	3.179.248.652	344.453.012
Cộng	**3.179.248.652**	**344.453.012**

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**8.430.044.214**	**8.896.727.612**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**55.317.273**	**161.304.648**

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	48.112.229.057	31.802.656.256
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	48.112.229.057	31.802.656.256
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.818.648	50.618.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**947**	**628**

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	383.913.514.025	626.621.727.947
- Chi phí nhân công	67.341.341.783	62.022.026.885
- Chi phí khấu hao	7.394.161.230	11.565.776.797
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	54.594.017.070	51.496.487.890
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.856.310.416	14.743.886.501
- Chi phí khác bằng tiền	12.399.486.964	26.991.424.354
Cộng	**530.498.831.488**	**793.441.330.374**

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tài sản tài chính	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	305.194.698.884	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.897.779.142	(34.666.423.157)	575.991.832.184	(29.869.451.434)
Các khoản cho vay	6.292.000.000		18.842.000.000	(9.400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699	-	23.922.295.740	-
Đầu tư dài hạn	251.370.249.045	(7.014.534.197)	220.938.382.364	(7.783.065.424)
	901.460.137.480	**(41.680.957.354)**	**1.144.889.209.172**	**(47.052.516.858)**

Nợ phải trả tài chính	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
	VND	VND
Vay và nợ	31.385.928.049	69.029.248.422
Phải trả người bán, phải trả khác	143.847.834.778	303.715.272.179
Chi phí phải trả	10.393.017.830	5.953.012.165
	185.626.780.657	**378.697.532.766**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	-	154.654.621.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.716.079.142	181.700.000	-	461.897.779.142
Các khoản cho vay	6.292.000.000	-	-	6.292.000.000
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699			27.245.487.699
Đầu tư dài hạn	-	-	251.370.249.045	251.370.249.045
Cộng	**649.908.188.435**	**181.700.000**	**251.370.249.045**	**901.460.137.480**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305.194.698.884	-	-	305.194.698.884
Phải thu khách hàng, phải thu khác	575.810.132.184	181.700.000	-	575.991.832.184
Các khoản cho vay	18.842.000.000	-	-	18.842.000.000
Đầu tư ngắn hạn	23.922.295.740			23.922.295.740
Đầu tư dài hạn	-	-	220.938.382.364	220.938.382.364
Cộng	**923.769.126.808**	**181.700.000**	**220.938.382.364**	**1.144.889.209.172**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	31.385.928.049	-	-	31.385.928.049
Phải trả người bán, phải trả khác	141.256.135.878	2.591.698.900	-	143.847.834.778
Chi phí phải trả	10.393.017.830	-	-	10.393.017.830
Cộng	**183.035.081.757**	**2.591.698.900**	-	**185.626.780.657**
Số đầu năm				
Vay và nợ	63.238.059.999	5.791.188.423	-	69.029.248.422
Phải trả người bán, phải trả khác	302.111.481.779	1.603.790.400	-	303.715.272.179
Chi phí phải trả	5.953.012.165	-	-	5.953.012.165
Cộng	**371.302.553.943**	**7.394.978.823**	-	**378.697.532.766**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.
- Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.
- Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (SP eBop)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND		VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.086.087.800	551.622.161.245	89.423.916.767		659.132.165.812
Giá vốn của các bộ phận	3.921.865.322	479.648.587.231	46.479.653.297		530.050.105.850
Lợi nhuận gộp	**14.164.222.478**	**71.973.574.014**	**42.944.263.470**	-	**129.082.059.962**
Tổng chi phí mua tài sản cố định	110.048.502	3.356.457.922	544.118.121	-	4.010.624.545
Tài sản bộ phận	31.426.888.497	958.513.988.516	155.385.481.496	-	1.145.326.358.509
Tổng tài sản	**31.426.888.497**	**958.513.988.516**	**155.385.481.496**	-	**1.145.326.358.509**
Nợ phải trả các bộ phận	7.599.044.158	231.769.369.260	37.572.320.769	-	276.940.734.187
Tổng nợ phải trả	**7.599.044.158**	**231.769.369.260**	**37.572.320.769**	-	**276.940.734.187**

42. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
Công ty CP Elcom Plus	Công ty con
Công ty CP Elcom Prime	Công ty con
Cty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết
Công ty CP máy tính và truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

b. Giao dịch với bên liên quan

Ông Phan Chiến Thắng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho công ty thuê văn phòng tại CN TP HCM	300.000.000	300.000.000

Ông Phạm Minh Thắng

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (theo mệnh giá) VND
- Thưởng cổ phiếu quỹ	150.000	1.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm nay
		VND
- Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Điều hành		**3.342.256.460**
+ Thu nhập HĐQT		***1.714.400.000***
Ông Phan Chiến Thắng	*Chủ tịch HĐQT*	*532.000.000*
Ông Trần Hùng Giang	*TV HĐQT*	*170.000.000*
Ông Nguyễn Mạnh Hải	*TV HĐQT*	*170.000.000*
Ông Nguyễn Đức Thiện	*TV HĐQT*	*170.000.000*
Ông Ngô Ngọc Hà	*TV HĐQT, Phó TGĐ*	*432.400.000*
Nguyễn Mạnh Hùng	*TV HĐQT*	*120.000.000*
Nguyễn Thị Thanh Thủy	*TV HĐQT*	*120.000.000*
+ Thu nhập BKS		***660.872.260***
Bà Ngô Kiều Anh	*Trưởng Ban kiểm soát*	*290.541.500*
Bà Vũ Thị Ngân Hà	*Thành viên BKS*	*334.330.760*
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	*Thành viên BKS*	*36.000.000*
+ Thu nhập Ban Điều hành		***966.984.200***
Ông Phạm Minh Thắng	*Tổng Giám đốc*	*418.700.000*
Bà Đặng Thị Thanh Minh	*Kế toán trưởng*	*548.284.200*

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng